

DUCLONG GROUP



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2009



**CHẤT LƯỢNG
LÀ SỰ SỐNG CÒN CỦA CHÚNG TÔI**

MỤC LỤC

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH	4
GIÁ TRỊ CỐT LÕI	6
THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY	10
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	23
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	32
CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	62
TỔ CHỨC NHÂN SỰ	77
THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	88
KẾT LUẬN	97

TẦM NHÌN

Trở thành một tập đoàn
đầu tư đa ngành hàng đầu Việt Nam
vào năm 2020

VISION



SỨ MỆNH:

Thấu hiểu đầu tư vào những ngành nghề đáp ứng tốt nhất nhu cầu phát triển của công ty, mang lại giá trị cao nhất cho cổ đông và góp phần vào việc tạo công ăn việc làm, nộp ngân sách vì sự phồn thịnh của khu vực Tây nguyên nói riêng và Việt Nam nói chung

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



SỨC MẠNH TẬP THỂ



UY TÍN



LIÊN TỤC ĐỔI MỚI



CHIA SẺ CỘNG ĐỒNG



TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG



THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý cổ đông và các nhà đầu tư !

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (Tập đoàn Đức Long Gia Lai), tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến toàn thể Quý khách hàng, các đối tác, Quý cổ đông và tập thể cán bộ - công nhân viên đã đóng góp, đồng hành cùng con đường phát triển Tập đoàn trong năm qua.

Hai năm qua (2008 - 2009), đất nước ta phải đương đầu và vượt qua nhiều khó khăn, thách thức gay gắt do những biến động bất thường và trái chiều của kinh tế thế giới, tác động bất lợi cho nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế chững lại, lạm phát cao, lãi suất thường xuyên biến động... Tình hình trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và Tập đoàn Đức Long Gia Lai cũng không phải là ngoại lệ.

Tuy nhiên, đứng trước những khó khăn, thách thức đó, bằng những nỗ lực không ngừng, năm 2009 cũng đánh dấu nhiều thành công của Tập đoàn Đức Long Gia Lai nói chung và các Công ty thành viên của Tập đoàn nói riêng. Tập đoàn đã xác định được hướng đi đúng đắn, từ đó đã vượt khó vươn lên, đạt được những thành tựu đáng phấn khởi. Doanh thu và lợi nhuận năm 2009 tăng nhanh, vượt bậc so với các năm trước. Tập đoàn đã, đang và sẽ triển khai hàng loạt công trình, dự án có quy mô lớn, với giá trị hàng nghìn tỷ đồng, gồm 03 khách sạn, 04 bến xe, 01 khu chung cư cao cấp, 05 công trình thủy điện với tổng công suất gần 600 MW (trong đó, các công trình Thủy điện Đồng Nai 6 và 6A có quy mô khá lớn và dự kiến mang lại hiệu quả kinh tế cao), nâng cấp, mở rộng 03 đoạn đường Quốc lộ 14 với tổng chiều dài trên 200km, 01 trường học, 01 dự án trồng cao su với quy mô 10.000 ha, gần 10 dự án khai thác và chế biến khoáng sản... Đặc biệt, ngày 10/3/2010 vừa qua, Công ty Dịch vụ Công trình công cộng - Công ty thành viên đầu tiên của Tập đoàn - đã niêm yết cổ phiếu tại sàn chứng khoán Hà Nội. Đây là bước mở đầu cho kế hoạch niêm yết cổ phiếu của Tập đoàn Đức Long Gia Lai và các công ty thành viên trong thời gian gần đây.

Qua khó khăn, gian khổ, chúng ta đã có được một bề dày kinh nghiệm, truyền thống; một đội ngũ cán bộ lãnh đạo và nhân viên trẻ, có trình độ, có tầm nhìn chiến lược, nhiệt tình, tâm huyết với Tập đoàn; có đội ngũ công nhân có tay nghề, cùng sự quan tâm, chia sẻ, tạo điều kiện của Chính phủ, các bộ, ngành TW và chính quyền các cấp... Tất cả những yếu tố đó là điều kiện cần và đủ cho Tập đoàn vững bước vươn lên trong thời gian không xa.

Năm 2010 được nhận định sẽ tiếp tục là năm đầy gian nan, thử thách cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của Tập đoàn, các Công ty thành viên và là năm cuối cùng trong chu kỳ khủng hoảng kinh tế (2008-2010). Dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu và trong nước vẫn ở mức thấp, thị trường xuất khẩu bị sụt giảm, đồng tiền nội tệ mất giá... Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng đã xuất hiện các dấu hiệu tích cực: Nền kinh tế của đất nước đã dần phục hồi, có nhiều cơ hội đầu tư và cải thiện hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và quan trọng hơn nữa là Tập đoàn vẫn giữ được lòng tin của người tiêu dùng đối với hệ thống sản phẩm, dịch vụ của Tập đoàn. Đây vừa là thách thức, đồng thời vừa là cơ hội cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tập đoàn và các công ty thành viên.

Trung thành với định hướng chiến lược đã đề ra, đảm bảo tăng trưởng luôn đi đôi với bền vững, HĐQT Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã xác định: lấy ngành kinh doanh cốt lõi truyền thống làm cơ sở cho sự phát triển; bên cạnh đó, tăng cường mở rộng các ngành nghề kinh doanh mới để tăng doanh thu lợi nhuận cho Tập đoàn Đức Long Gia Lai, đầu tư đột phá vào một số ngành chiến lược dài hạn, tăng cường quản lý hiệu quả nguồn vốn, năng lực quản lý điều hành và tiết kiệm chi phí để hoàn thành mục tiêu năm 2010 và các năm tiếp theo.

Trước mắt chúng ta còn là những chặng đường dài, bước đầu không ít gian nan để đạt được thành công mới. Mỗi thành công cũng như thất bại, mỗi khó khăn và thách thức mà chúng ta đã vượt qua chắc chắn sẽ là những bài học kinh nghiệm quý báu cho sự phát triển trong tương lai. HĐQT Tập đoàn Đức Long Gia Lai tin tưởng rằng: Bằng những định hướng, mục tiêu rõ ràng, với sự đồng thuận của quý vị cổ đông, sự tin nhiệm, ủng hộ của quý khách hàng và sự quyết tâm để vững vàng “vượt sóng” của toàn thể cán bộ công nhân viên Tập đoàn Đức Long Gia Lai, năm 2010 và các năm tiếp theo, Tập đoàn Đức Long Gia Lai sẽ càng lớn mạnh hơn, cứng cỏi và kiên cường hơn trong sự nghiệp phát triển, để đạt được nhiều thành công hơn, chạm được đến những mục tiêu mà chúng ta đã luôn ước mơ vươn tới.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, nhân dịp này tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các cổ đông, các khách hàng, các đối tác, và toàn thể CBCNV - những người đã đặt trọn niềm tin, luôn đồng hành, sát cánh và làm nên thành công cho Tập đoàn Đức Long Gia Lai. HĐQT Tập đoàn cam kết sẽ tận tâm, tận lực quản lý hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, thực thi những sứ mệnh và chính sách của Tập đoàn một cách đúng đắn, công bằng và minh bạch, đạt được hiệu quả cao nhất với phương châm “**ĐI LÀ ĐẾN**”.

Xin trân trọng cảm ơn!

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đức Long Group

Bùi Pháp

I. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY:

- Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI.**
- Tên tiếng nước ngoài: **Duc Long Gia Lai Group JSC.**
- Tên viết tắt: **DUCLONG GROUP**
- Trụ sở chính: 02 Đặng Trần Côn, P. Trà Bá, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai.
- Điện thoại: (84.59) 3747 437 - 3747 206 – Fax: (84.59) 3747 366.
- Email:
- Website: <http://www.duclonggroup.com>
- Mã chứng khoán: **DLG**
- Vốn điều lệ (tính đến ngày **31/12/2009**): 291.000.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi một tỷ đồng).
- Năm báo cáo : Năm 2009.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN:

1. Những sự kiện quan trọng:

+ **Việc thành lập:** Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (tiên thân là Xí nghiệp tư doanh Đức Long) là doanh nghiệp tư nhân hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, được thành lập vào ngày 13/06/2007 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900415863 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp đăng ký lần đầu ngày 13/06/2007; thay đổi lần thứ 7 ngày 27/02/2010 với số vốn điều lệ đăng ký là 291 tỷ đồng.

Sau gần 3 năm hình thành và phát triển, quy mô Công ty đã phát triển đáng kể; doanh thu hàng năm tăng từ 30% đến 40%. Trong đó, riêng mảng kinh doanh gỗ sở hữu 150.000 m² mặt bằng nhà xưởng, sân bãi; 4 nhà máy sản xuất cùng 7 dây chuyền chế biến gỗ hiện đại. Công ty đã thành lập được hệ thống phân phối gỗ và đá gồm 15 đại lý trong nước, đồng thời phát triển 3 văn phòng đại diện tại Singapore, Nhật Bản và Mỹ. Đến nay sản phẩm và chất lượng của gỗ, đá Đức Long Gia Lai được biết đến nhiều cả trong và ngoài nước.

Từ khi được thành lập và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Đức Long Gia Lai lần lượt thành lập 18 công ty thành viên hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con.

Tiếp tục mở rộng đầu tư sản xuất kinh doanh trên nhiều lĩnh vực nhưng xác định ngành cốt lõi chủ yếu vẫn là (i) chế biến gỗ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu; (ii) dịch vụ bến xe và bãi đỗ, xe buýt đô thị; (iii) khai thác chế biến đá granite tự nhiên. Song song với ngành nghề truyền thống của mình, mục tiêu hướng đến của Đức Long Gia Lai là đầu tư mở rộng phát triển vào các lĩnh vực đang là thế mạnh của Tây Nguyên: đầu tư thủy điện; trồng và chế biến cao su; khai thác, chế biến quặng mỏ sắt, chì kẽm... Ngoài ra Công ty còn chú trọng mở rộng ngành nghề kinh doanh của mình sang lĩnh vực đầu tư xây dựng Công trình giao thông, các dự án đường bộ theo hình thức BOT.

+ **Các sự kiện khác:** Ngày 14/07/2008, Công ty chính thức được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành công ty đại chúng. Đây chính là bước ngoặt mới trên chặng đường phát triển và đổi mới của Đức Long Gia Lai . Năm 2009, Đức Long Gia Lai vinh dự được chủ tịch nước trao tặng Huân chương lao động hạng nhì vì đã có thành tích xuất sắc trong phát triển và đóng góp cho sự phát triển của tỉnh Gia Lai nói riêng và cho đất nước nói chung . Riêng cá nhân ông Bùi Pháp , chủ tịch HĐQT được tặng thưởng huân chương lao động hạng 3 cho thành tích cá nhân ông.

2. Quá trình phát triển:

+ Ngành nghề kinh doanh:

- ✓ Kinh doanh Khách sạn;
- ✓ Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- ✓ Mua bán, sản xuất và chế biến gỗ các loại;
- ✓ Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- ✓ Khai thác đá granite, đá VLXD
- ✓ Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- ✓ Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- ✓ Kinh doanh vận tải hành khách đường bộ nội thành, ngoại thành;
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải bằng đường bộ;
- ✓ Sản xuất truyền tải và phân phối điện;
- ✓ Khai thác quặng boxit;
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- ✓ Xây dựng công trình đường bộ;
- ✓ Kinh doanh bất động sản (trừ đấu giá tài sản), quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- ✓ Hoạt động tư vấn quản lý;
- ✓ Cho thuê văn phòng;
- ✓ Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;
- ✓ Bán buôn phân bón;
- ✓ Khai thác khoáng sản, quặng kim loại khác không chứa sắt;
- ✓ Chế biến khoáng sản (không chở đá thô ra ngoài tỉnh).

+ **Tình hình hoạt động:**

- **Hoạt động sản xuất kinh doanh** : Trong năm 2009, Đức Long Gia Lai tiếp tục điều hành an toàn và khai thác hiệu quả mô hình Tập Đoàn kinh tế tư nhân theo hình thức Công ty mẹ – Công ty con của mình. Mặc dù thị trường có nhiều khó khăn biến động, tuy nền kinh tế đang có dấu hiệu thoát khỏi khủng hoảng nhưng tiềm ẩn bên trong là nguy cơ lạm phát cao đã thúc đẩy Chính phủ đưa ra các chính sách hạn chế tín dụng nhằm kiềm chế lạm phát. Các ngân hàng thương mại tăng lãi suất huy động và lãi suất cho vay đã làm ảnh hưởng tới sự phát triển chung của các doanh nghiệp. Việc giá xăng dầu liên tiếp tăng đã làm cho giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao kéo theo lợi nhuận của Công ty bị ảnh hưởng đáng kể. Tuy nhiên, năm 2009 Công ty vẫn đạt vượt mức Doanh thu và lợi nhuận đề ra theo kế hoạch. Có thể nói rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã cơ bản vượt qua được những khó khăn do ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu.

Ngoài ra trong năm 2009 Công ty còn chỉ đạo sâu sát các Công ty thành viên vận hành tốt hệ thống bến xe bãi đỗ; hệ thống xe buýt vận tải hành khách công cộng tại các tuyến nội tỉnh Gia Lai góp phần giải quyết vấn đề giao thông công cộng của tỉnh nhà. Bên cạnh đó ngành khai thác và chế biến Đá Granite của Công ty cũng phát triển vượt bậc, ngành sản xuất và chế biến gỗ cũng mang lại nhiều lợi ích cho Công ty. Ngoài ra trong năm 2009 Công ty còn tập trung vào xây dựng hệ thống thủy điện của mình nhằm sớm đưa vào vận hành và khai thác ngay trong năm 2010...

Trong năm 2009, Đức Long Gia Lai cũng tích cực mở rộng các ngành nghề kinh doanh mới phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế. Vào những tháng cuối năm 2009 Công ty đã chính thức ký hợp đồng làm tổng thầu dự án đường BOT trị giá 1.600 tỷ đồng tại Bình Phước, làm chủ đầu tư dự án đường BOT đoạn

Pleiku – Cầu 110 với TMĐT khoảng 1.500 tỷ đồng và dự kiến sẽ khởi công xây dựng vào Q 3/2010. Ngoài ra Công ty cũng đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho phép thăm dò và khai thác mỏ khoáng sản lớn nhất khu vực miền trung tại tỉnh Gia Lai . Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2009 đạt 550 tỷ đồng về Doanh thu và gần 30 tỷ đồng Lợi nhuận . Đây là một kết quả nằm ngoài tầm mong đợi của toàn thể cán bộ nhân viên của Tập Đoàn . Nó thể hiện ý chí không ngừng vươn lên, quyết tâm hành động thắng lợi.

- **Hoạt động quản lý tổ chức** : Đức Long Gia Lai đã và đang từng bước hoàn thiện các quy chế quản lý theo mô hình Công ty cổ phần, công ty đại chúng đặc biệt là đang hoàn tất hồ sơ để đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Thị trường Chứng khoán. Đức Long Gia Lai có hệ thống văn phòng làm việc hiện đại với quy trình khép kín , cùng với hệ thống nhà xưởng sản xuất rộng rãi và thoáng mát rất phù hợp với môi trường làm việc và xu hướng phát triển của Công ty.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển theo chiến lược đề ra, Đức Long Gia Lai cũng đã hoàn tất việc thiết lập , vận hành hệ thống chất lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn ISO. Cán bộ Nhân viên của Đức Long Gia Lai luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, tận tình phục vụ với phương châm “**Doanh nghiệp là nhà, CBCNV là chủ**”, Đức Long Gia Lai đã và đang áp dụng quy trình quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000.

Về công tác quản lý tài chính kế toán , trong năm 2009 Đức Long Gia Lai luôn đảm bảo quản lý vốn an toàn , thực hiện đầy đủ các khoản thu , chi tài chính trong năm. Đảm bảo việc thu xếp vốn kịp thời cho các dự án và có kế hoạch chuẩn bị cho các dự án đầu tư của mình . Đức Long Gia Lai cũng đang trong tiến trình hoàn tất hồ sơ niêm yết để đăng ký niêm yết cổ phiếu trên TTCK dự kiến vào Quý 2/2010.

Đức Long Gia Lai đã xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật , tăng cường công tác quản lý và nâng cao ý thức tiết kiệm trong toàn Công ty. Các phí hội họp, tiếp khách, đi lại, chi phí hành chính không cần thiết đều được cắt giảm . Trong năm, Công ty đã kịp thời tái cấu trúc các khoản vay làm giảm đáng kể chi phí vốn, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Về công tác nhân sự : một mặt Công ty sắp xếp một số nhân sự hiện có , đào tạo Cán bộ nhân viên để nâng cao trình độ để có đủ khả năng đảm nhận công việc theo yêu cầu mới . Mặt khác công ty tích cực tuyển dụng nhân viên có năng lực ,

kinh nghiệm để đảm nhận công việc. Đức Long Gia Lai cũng làm tốt công tác đào tạo, tuyển dụng nhân sự cho bộ máy của mình và dự bị cho việc quản lý, điều hành các dự án mới.

Công tác đầu tư: Nằm trong kế hoạch và chiến lược của mình, năm 2009, Đức Long Gia Lai đã chuẩn bị các nguồn lực để thực hiện các dự án đầu tư của mình. Cụ thể:

- ❖ **Về lĩnh vực chế biến gỗ:** trong năm 2009, ngành chế biến gỗ của Đức Long Gia Lai cũng mang lại hiệu quả cao mặc dù bị ảnh hưởng nặng nề từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Để có được kết quả đó là nhờ Đức Long Gia Lai tiếp tục tạo ra lợi thế cạnh tranh cho ngành gỗ thông qua việc tạo ra một quy trình khép kín với giá thành thấp và chất lượng sản phẩm luôn được đặt lên hàng đầu. Với thương hiệu mạnh đã được khẳng định trên thị trường trong nước và quốc tế hơn 15 năm qua, sản phẩm đồ gỗ của Đức Long Gia Lai đã được nhiều người tiêu dùng tin nhiệm. Do đó việc sản xuất của Công ty luôn ổn định, việc làm và thu nhập cho công nhân luôn được đảm bảo, góp phần ổn định an sinh xã hội tại địa bàn tỉnh Gia Lai nói riêng và khu vực Miền Trung – Tây Nguyên nói chung.
- ❖ **Lĩnh vực khai thác và chế biến đá Granite và khoáng sản:** Hiện nay, Đức Long Gia Lai đã được Thủ tướng Chính Phủ đồng ý cho thăm dò và khai thác mỏ quặng sắt, chì, kẽm lớn nhất Miền trung. Ngoài ra hiện nay Đức Long Gia Lai đang sở hữu 4 mỏ đá Granite tại Gia Lai và trong năm 2010 sẽ tổ chức khai thác mỏ Đá hoa cương tại Đăk Lăk. Bên cạnh việc khai thác mỏ, Đức Long Gia Lai đã tổ chức vận hành tốt 1 nhà máy sản xuất và chế biến đá Granite, trong năm 2010 Công ty dự kiến sẽ xây dựng thêm 3 nhà máy sản xuất và chế biến đá tại các huyện như Chư Sê, Kông Chro và K’Bang thuộc tỉnh Gia Lai. Trong năm 2009, ngành khai thác và chế biến đá Granite đã góp phần rất quan trọng trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận của Đức Long Gia Lai, góp phần giải quyết công ăn việc làm ổn định và thường xuyên cho hàng ngàn lao động tại địa phương. Năm 2010, ngành khai thác và chế biến đá Granite và khoáng sản sẽ là một ngành mũi nhọn của Đức Long Gia Lai trong cơ cấu Doanh thu và lợi nhuận. Dự kiến Đức Long Gia Lai sẽ Cổ phần hóa Công ty quản lý ngành khai thác đá và sẽ niêm yết cổ phiếu của công ty này trên thị trường chứng khoán trong năm 2010.
- ❖ **Về lĩnh vực Dịch vụ bến xe bãi đỗ:** trong năm 2009 Đức Long Gia Lai tiếp tục vận hành thành công mô hình bến xe tư nhân đầu đạt tiêu chuẩn loại 1 của ngành GTVT. Đây là ngành mang lại lợi nhuận chủ yếu cho Tập đoàn trong

năm 2009 và góp phần giải quyết công ăn việc làm thường xuyên cho hàng trăm lao động. Trong giai đoạn 2010 – 2013 Đức Long Gia Lai sẽ triển khai đầu tư và đưa vào vận hành hệ thống bến xe của mình tại Đà Nẵng và Bảo Lộc. Riêng bến xe Đức Long Bảo Lộc sẽ đi vào hoàn thiện và hoạt động vào đầu quý 3 năm 2010. Ngoài ra trong năm 2010 Đức Long Gia Lai sẽ triển khai thực hiện dự án mở rộng bến xe Đức Long Gia Lai và tổ chức xúc tiến đầu tư vào bến xe Huế.

- ❖ **Về phương tiện vận tải đường bộ**, năm 2009 Đức Long Gia Lai đã đầu tư thêm 06 xe buýt để phục vụ Festival Công Chiêng quốc tế lần thứ nhất tại Gia Lai năm 2009 và phục vụ kinh doanh vận tải hành khách công cộng. Việc đầu tư và đưa vào sử dụng 6 xe buýt đã nâng số lượng xe buýt của Đức Long Gia Lai lên 24 xe, đảm bảo việc vận chuyển hành khách công cộng từ Thành phố Pleiku về các huyện của tỉnh Gia Lai, đặc biệt là các huyện biên giới, góp phần giải quyết vấn đề giao thông công cộng của tỉnh nhà. Hiện nay Đức Long Gia Lai là doanh nghiệp có số lượng xe buýt phục vụ vận tải hành khách công cộng lớn nhất tỉnh Gia Lai.
- ❖ **Dịch vụ khách sạn – resort**: Công ty đã và đang xây dựng hàng loạt khách sạn – resort như Khách sạn Đức Long - Gia Lai (tại trung tâm TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai) đạt tiêu chuẩn 2 sao, Khách sạn Đức Long Dung Quất đạt tiêu chuẩn 4 sao được xây dựng tại Cụm công nghiệp Nam Chu Lai, xã Bình Chánh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, trên diện tích gần 4 ha, tiếp giáp với trục giao thông chính từ QL 1A đến Cảng Dung Quất, cách TP Quảng Ngãi 30km, cách TP Đà Nẵng 100km, cách đô thị Vạn Tường 17 Km và cách sân bay Chu Lai 15 km, Khách sạn Đức Long Dung Quất có qui mô hàng đầu được xây dựng tại Dung Quất nhằm đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi, sinh hoạt, vui chơi giải trí của nhân dân, chuyên gia phục vụ cho các nhà máy. Và một số khách sạn khác như khách sạn Mỹ Khê Đà Nẵng, khách sạn Quy Nhơn ...
- ❖ **Ngành xây dựng và kinh doanh Bất động sản**: trong năm 2008 và 2009, Đức Long Gia Lai tập trung vào xây dựng và hoàn thiện dự án Trung tâm thương mại và Chung cư cao cấp Đức Long Tower tại Pleiku – Gia Lai. Đây là dự án Bất động sản mang tầm chiến lược của Đức Long Gia Lai tại Trung tâm kinh tế, văn hóa và chính trị của tỉnh Gia Lai. Thể hiện bước đi đón đầu sự phát triển của tỉnh nhà trong tương lai, khi mà kinh tế xã hội của tỉnh sẽ phát triển mạnh mẽ thì nhu cầu nhà ở và văn phòng làm việc sẽ tăng cao. Dự kiến tháng 6/2010 dự án này sẽ hoàn thành và đi vào hoạt động. Ngoài dự án Đức Long Tower tại Gia Lai, hiện nay Đức Long Gia Lai đang tổ chức tham

nhập thị trường Bất động sản tại TP . HCM và khu vực Đông Nam Bộ như Bình Dương, Đồng Nai...

- ❖ **Về lĩnh vực thủy điện**, trong năm 2009 Đức Long Gia Lai đã tập trung đầu tư xây dựng Dự án thủy điện Tà Nung (Lâm Đồng) và dự án thủy điện Đồng Nai 6, Đồng Nai 6A (tại Đồng Nai – Đắk Nông – Lâm Đồng). Dự kiến đến Quý 2/2010 sẽ đưa vào vận hành một phần của thủy điện Tà Nung góp phần ổn định hệ thống lưới điện quốc gia. Ngoài ra trong năm 2009 Đức Long Gia Lai còn xúc tiến đầu tư xây dựng thủy điện Mỹ Lý tại Nghệ An và nước bạn Lào. Tính đến nay Đức Long Gia Lai đã được cấp phép 4 dự án tại Tây Nguyên , Đồng Nai với tổng công suất là 600 MW, Vốn đầu tư ước tính cho các dự án này khoảng 15.000 tỷ đồng.
- ❖ **Về lĩnh vực trồng, khai thác và chế biến Cao su:** trong năm 2009, Đức Long Gia Lai đã tổ chức khai hoang và trồng mới được 3000 ha cao su, nâng tổng diện tích rừng cao su của Tập Đoàn lên gần 5.000 ha. Đức Long Gia Lai đặt mục tiêu trồng thành công 15.000 ha trong giai đoạn 2009 – 2015 tại khu vực tỉnh Gia Lai. Cao su là loại cây mang lại giá trị kinh tế cao , mũ cao su dùng trong ngành công nghiệp chế tạo các vật dụng và đặc biệt là trong ngành chế tạo săm lốp ô tô xe máy , lốp máy bay... gỗ cao su dùng cho ngành sản xuất đồ gỗ... Ngành này không đòi hỏi vốn đầu tư lớn nhưng lại có khả năng mang lại dòng tiền lợi nhuận cao và ổn định cho Đức Long Gia Lai trong thời gian tới. Lợi thế của Đức Long Gia Lai là tìm được quỹ đất với chi phí thấp và vị thế địa lý nằm ngay trong tỉnh nhà nên sẽ tiết kiệm được rất nhiều chi phí cho việc đi lại và quản lý . Bên cạnh đó với chi phí nhân công rẻ và việc Đức Long Gia Lai tận dụng được lợi thế lao động tại địa phương sẽ là một lợi thế mạnh cho Đức Long Gia Lai khi đội ngũ công nhân an cư và lạc nghiệp tại địa phương. Ngoài ra với đội ngũ cán bộ quản lý có kinh nghiệm lâu năm trong ngành sẽ là một bước đệm quyết định cho sự thành công của Đức Long Gia Lai trong ngành này.
- ❖ **Ngành xây dựng dân dụng và cầu đường :** trong năm 2009, Đức Long Gia Lai đã định hướng chiến lược mở rộng cơ cấu ngành nghề sang lĩnh vực xây dựng dân dụng và cầu đường . Đây là một bước đi khẳng định sự linh hoạt trong cơ cấu ngành nghề của mình, phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế, nhất là thời kỳ hậu khủng hoảng . Hiện nay Đức Long Gia Lai đã xúc tiến thành công việc làm tổng thầu dự án Đường BOT với tổng chiều dài 90km đoạn Cây Chanh – Đồng Xoài thuộc tỉnh Bình Phước. Dự án này có tổng mức đầu tư hơn 1600 tỷ đồng. Ngoài ra Đức Long Gia Lai cũng đã xúc tiến khảo

sát và lập dự án làm chủ đầu tư 2 dự án đường BOT khác tại tỉnh Đắk Nông và Gia Lai với tổng chiều dài của 2 dự án là trên 130km và TMĐT gần 3000 tỷ đồng. Các dự án đường BOT của Đức Long Gia Lai sẽ là nguồn lợi ổn định và mang lại Doanh thu và lợi nhuận cao cho Công ty khi đưa vào vận hành. Dự kiến đây sẽ là mảng mang lại doanh thu với lợi nhuận chính cho Tập đoàn trong giai đoạn từ năm 2012 trở đi, sẽ là một lợi thế để Tập đoàn yên tâm đầu tư vào các lĩnh vực khác.

Bên cạnh công tác đầu tư vào các dự án mới, trong năm 2009 Đức Long Gia Lai luôn chú trọng đầu tư vào công nghệ và con người nhằm hoàn thiện hệ thống quản lý của mình theo đúng tiêu chuẩn ISO.

3. Định hướng phát triển:

+ Các mục tiêu chủ yếu của Đức Long Gia Lai:

- Phát triển Đức Long Gia Lai trở thành Tập đoàn kinh tế tư nhân hàng đầu của Việt Nam. Phân đầu đến năm 2020 Đức Long Gia Lai sẽ trở thành Công ty hàng đầu hoạt động đa ngành có đủ năng lực để cạnh tranh với các Doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế trong nước và quốc tế.
- **Về doanh thu và lợi nhuận:** Đức Long Gia Lai sẽ phân đầu tốc độ tăng doanh thu hàng năm đạt từ 25% - 30%. Riêng năm 2009 doanh thu của Đức Long Gia Lai đạt 567,8 tỷ đồng, tăng 195,7% so với năm 2008. Lợi nhuận sau thuế của ĐLGL năm 2009 đạt gần 24,7 tỷ đồng, bằng gần 34 lần LNST năm 2008. Đức Long Gia Lai phân đầu đạt doanh thu trên 700 tỷ vào năm 2010 và trên 1000 tỷ vào năm 2012. Lợi nhuận sau thuế năm 2012 đạt trên 150 tỷ đồng. Đức Long Gia Lai sẽ tiếp tục duy trì tỷ lệ lợi nhuận trên vốn đạt 10% và phân đầu đạt trên 20% cho tỷ lệ này, bên cạnh đó sẽ phân đầu duy trì tỷ lệ cổ tức cao cho các nhà đầu tư.
- **Về thị trường:** Đức Long Gia Lai đảm bảo cung cấp hàng hóa dịch vụ chất lượng cao cho tất cả các khách hàng để phát triển thị trường của mình. Trong chiến lược phát triển thị trường, Đức Long Gia Lai sẽ tiếp tục phát huy thị trường nội địa, tiếp tục duy trì và tìm kiếm thị trường xuất khẩu nhằm tăng thị phần của mình trong các ngành nghề của Tập Đoàn.

- Đảm bảo kinh doanh hiệu quả , bảo toàn và phát triển vốn , đảm bảo lợi ích tối đa của các cổ đông.
- Đảm bảo quyền lợi và và điều kiện làm việc tốt cho người lao động và đóng góp tích cực cho Xã hội và cộng đồng.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Mục tiêu phát triển: Trong chặng đường phát triển 10 năm tới từ 2010-2020, ban lãnh đạo Đức Long Gia Lai quyết tâm đưa **DUCLONG GROUP** “*Trở thành Tập đoàn đầu tư đa ngành hàng đầu Việt Nam vào năm 2020*”.

Đặt trọng tâm đầu tư của **DUCLONG GROUP** vào các ngành nghề sau:

- *Ngành dịch vụ Bến xe & Bãi đỗ;*
- *Ngành trồng và khai thác cây cao su;*
- *Ngành Thủy điện;*
- *Ngành khai thác mỏ (đá và các loại quặng);*
- *Ngành kinh doanh Địa ốc (không kể Bến xe);*
- *Xây dựng & phát triển hạ tầng giao thông(BOT)*

Về lĩnh vực sản xuất các mặt hàng tiêu dùng và một số ngành nghề cốt lõi , **Đức Long Gia Lai** sẽ thực hiện chiến lược thâm nhập và phát triển thị trường , lấy ngành nghề kinh doanh cốt lõi làm bàn đạp để thực hiện phát triển sang các lĩnh vực mũi nhọn. Với chiến lược phát triển thành Tập Đoàn kinh tế tư nhân hàng đầu Việt Nam vào năm 2020. Trong tương lai, Đức Long Gia Lai sẽ tập trung phát triển các lĩnh vực sau:

- Xây dựng và phát triển hệ thống bến xe bãi đỗ hiện đại với khu vực nhà ga hành khách khép kín , hiện đại với không gian thoáng mát tại khu vực Miền Trung – Tây Nguyên và nhân rộng mô hình này ra cả nước theo chủ trương xã hội hóa đầu tư ngành bến xe bãi đỗ của Chính Phủ.
- Phát triển các dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ cho phương tiện vận tải đường bộ.
- Phát triển kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách công cộng các tuyến nội tỉnh Gia Lai , đưa lĩnh vực này trở thành lĩnh vực kinh doanh thường xuyên của Doanh nghiệp.
- Phát triển các loại hình dịch vụ khác như cho thuê Kios , cho thuê kho hàng hóa, cho thuê văn phòng và dịch vụ lưu trú ngắn ngày...

- Phát triển ngành khai thác và chế biến Đá Granite đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng của khu vực tỉnh Gia Lai và một số tỉnh lân cận.
- Đầu tư và phát triển ngành khai thác mỏ , khai thác khoáng sản , quặng để đáp ứng nhu cầu về khoáng sản và kim loại cho các ngành công nghiệp sản xuất và chế tạo của Việt Nam và thế giới.
- Phát triển ngành nghề sang lĩnh xây dựng dân dụng và xây dựng cầu đường , trong tương lai Đức Long Gia Lai sẽ tiến hành thực hiện các dự án Đường BOT tại các tỉnh Gia Lai , Đăk Nông và Bình Phước ... Trong tương lai , Đức Long Gia Lai sẽ không ngừng tìm kiếm các dự án hạ tầng giao thông để thực hiện đầu tư nhằm ổn định và phát triển ngành nghề của mình theo hướng này . Để làm được như vậy Đức Long Gia Lai sẽ tổ chức một hệ thống bộ máy chuyên quản lý các dự án hạ tầng giao thông để khai thác thực hiện các dự án đó , đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân , góp phần làm giảm khoảng cách phát triển giữa thành thị và nông thôn , giữa các địa phương với các trung tâm kinh tế lớn của đất nước.
- Phát triển ngành trồng , khai thác và chế biến cao su từ cây cao su thiên nhiên . Trong tương lai, ngành cao su sẽ là ngành mang lại doanh thu và lợi nhuận chủ yếu cho Tập đoàn . Đức Long Gia Lai dự kiến sẽ xây dựng nhà máy chế biến các sản phẩm cao su tại Gia Lai để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng nội địa và định hướng xuất khẩu.
- Phát triển ngành xây dựng và kinh doanh điện năng : hiện nay Đức Long Gia Lai đã là chủ đầu tư của 4 dự án thủy điện với tổng mức đầu tư khoảng 15.000 tỷ đồng và tổng công suất khoảng 600 MW. Dự kiến trong tương lai , ngành điện sẽ mang lại một nguồn lực lớn cho Đức Long Gia Lai khi nhu cầu phát triển của xã hội không ngừng nâng cao . Việc hệ thống thủy điện của Đức Long Gia Lai hòa vào lưới điện quốc gia sẽ góp phần ổn định an ninh năng lượng và phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của nền kinh tế. Qua đó doanh thu và lợi nhuận của Đức Long Gia Lai ở lĩnh vực này sẽ ổn định và không ngừng được gia tăng hàng năm.
- Phát triển ngành kinh doanh dịch vụ khách sạn và du lịch : khi nền kinh tế đã dần phục hồi sau khủng hoảng thì nhu cầu thương mại , nhu cầu du lịch của con

người sẽ không ngừng được nâng cao . Đón đầu được cơ hội đó , hiện nay Đức Long Gia Lai đã và đang triển khai xây dựng hệ thống khách sạn và trung tâm hội nghị tại một số khu kinh tế của đất nước . Dự kiến lĩnh vực này sẽ mang lại chất lượng tốt cho khách hàng của Đức Long Gia Lai đồng thời cũng mang lại lợi ích cho Tập đoàn khi đã đi vào hoạt động có hiệu quả.

- **Lĩnh vực bất động sản :** Đức Long Gia Lai sẽ không ngừng tìm kiếm cơ hội và quỹ đất để dự phòng cho nhu cầu phát triển nhà ở của xã hội . Nằm trong định hướng chiến lược của mình, hiện nay Đức Long Gia Lai chưa chú trọng đầu tư vào lĩnh vực này . Trong tương lai khi thị trường tài chính , thị trường tiền tệ ổn định và tăng trưởng thì thị trường bất động sản sẽ hồi phục mạnh mẽ . Đức Long Gia Lai sẽ triển khai đầu tư vào các dự án bất động sản theo từng phân khúc nhu cầu của xã hội.
- **Các lĩnh vực khác :** Đức Long Gia Lai sẽ tiếp tục phát huy các lĩnh vực hoạt động hiện tại đồng thời sẽ không ngừng tìm kiếm các lĩnh vực khác nhằm bổ sung và mở rộng hệ thống ngành nghề của mình . Việc trở thành Tập đoàn đầu tư đa ngành sẽ là một lợi thế cho Đức Long Gia Lai khi hệ thống ngành nghề được mở rộng. Các thành viên trong hệ thống này có tác dụng hỗ trợ cho nhau để mang lại lợi ích tối đa cho Tập đoàn.

III. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Kính thưa Quý Cổ đông và quý nhà đầu tư!

Trước tiên, cho phép tôi thay mặt HĐQT, chân thành cảm ơn quý vị đại biểu và quý cổ đông đã gắn bó cùng Đức Long Gia Lai trong suốt thời gian qua ; xin chúc toàn thể các nhà đầu tư và quý cổ đông lời chúc sức khỏe và lời chào trân trọng nhất.

Sau đây, Hội đồng quản trị xin báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm 2009 và phương hướng chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2010 của Tập đoàn, cụ thể như sau:

I - Đánh giá tình hình hoạt động của Tập đoàn năm 2009:

1. Tình hình chung:

Kết thúc năm 2009 đầy khó khăn với kinh tế Việt Nam, do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới. Đất nước ta phải đương đầu và vượt qua nhiều khó khăn, thách thức. Trước tình hình đó, Chính phủ đã đề ra mục tiêu ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, phấn đấu duy trì tăng trưởng hợp lý với 8 nhóm giải pháp đồng bộ. Nhờ chính sách kích cầu của Nhà nước , tình hình dần được cải thiện, lạm phát được duy trì ở mức dưới hai con số, nhưng thị

trường chứng khoán, thị trường tài chính - tiền tệ vẫn diễn biến phức tạp. Ngành bất động sản vẫn chưa được phục hồi và thị trường chứng khoán tiếp tục giảm sút nghiêm trọng đã đánh mất cơ hội huy động vốn để đầu tư và mở rộng sản xuất kinh doanh. Từ quý IV/2009 và các tháng đầu năm 2010, Việt Nam đã chặn được đà suy giảm và tăng trưởng trở lại, nhưng tốc độ phục hồi chậm và những khó khăn do khủng hoảng đem lại vẫn cần được tiếp tục giải quyết trong một vài năm tiếp theo nữa.

Tình hình trên đã làm cho các doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều khó khăn: Chi phí đầu vào tăng cao mà thị trường đầu ra thì lại bị thu hẹp và Tập đoàn Đức Long Gia Lai cũng không phải là ngoại lệ.

Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị Tập đoàn Đức Long Gia Lai luôn theo sát diễn biến của nền kinh tế và các chính sách của Chính phủ, chủ động dự báo, nhận định tình hình để đề ra những biện pháp kịp thời ứng phó, điều chỉnh với mọi biến động của thị trường. Tập đoàn đã xác định phải củng cố, duy trì các ngành nghề kinh doanh cốt lõi, làm trụ cột chống đỡ với biến động của nền kinh tế, đồng thời tìm kiếm các dự án tiềm năng, các cơ hội để đầu tư khi điều kiện thuận lợi. Đó chính là quyết định sáng suốt của HĐQT Tập đoàn trong thời điểm bấy giờ.

Chủ trương đúng đắn đó đã được chứng minh qua những con số mà Tập đoàn chúng ta đã phấn đấu đạt được trong năm qua như sau:

- Tổng doanh thu năm 2009 đã thực hiện được 567,8 tỷ đồng, đạt 167,2% kế hoạch;
- Lợi nhuận trước thuế năm 2009 gần 30 tỷ đồng, đạt 123,6% kế hoạch;
- Lợi nhuận sau thuế năm 2009 là 24,7 tỷ đồng, đạt 136,5% kế hoạch;
- Đã xúc tiến thành công việc làm tổng thầu Dự án đường BOT đoạn Đồng Xoài - Cây Chanh (Bình Phước) với tổng vốn đầu tư lên đến 1.600 tỷ đồng; đồng thời, lập thủ tục đề nghị đầu tư theo hình thức BOT các đoạn đường Pleiku - Cầu 110 (Gia Lai) và đoạn km817 - km887 (Đak Nông) với tổng vốn đầu tư gần 3.000 tỷ đồng;
- Đầu tư vào Bến xe Bảo Lộc, Bến xe Đà Nẵng và mở rộng Bến xe Đức Long Gia Lai với tổng mức đầu tư gần 190 tỷ đồng; đã đầu tư mua thêm hàng chục xe buýt để phục vụ nhu cầu vận chuyển hành khách công cộng. Thương hiệu Bến xe Đức Long Gia Lai ngày càng được khẳng định trên thị trường cả nước. Đặc biệt, ngày 10/3/2010, Công ty Cổ phần Bến xe cũng đã thành công trong việc niêm yết cổ phiếu tại Sàn Chứng khoán Hà Nội;
- Tiếp tục đầu tư vào dự án trồng, chăm sóc cao su tại Gia Lai hơn 1.000 ha, bước đầu vườn cây phát triển tốt; đang hoàn thiện xây dựng Khách sạn 4 sao Dung Quất; phát triển và mở rộng các mỏ và nhà máy chế biến đá granit, đá bazan; đầu tư xây dựng Thủy điện Tà Nung (Lâm Đồng), phần đầu hoàn thành, đưa vào vận hành vào tháng 7/2010 tới đây;

Việc đầu tư vào các dự án trên sẽ giúp điều chỉnh cơ cấu doanh thu, lợi nhuận và tái cấu trúc lại cơ cấu vốn, nợ của Tập đoàn từ năm 2012 trở đi.

- Ngoài ra, Tập đoàn đã và đang liên kết có hiệu quả với Quân Khu V để tài trợ cho Đội bóng chuyên Đức Long - Quân khu V, tài trợ cho đường bay quốc tế Nội Bài - Pleiku, Festival Cồng chiêng quốc tế tại Gia Lai và đóng góp cho nhiều hoạt động từ thiện, nhân đạo trong cả nước,... Đặc biệt, Tập đoàn đã rất thành công trên lĩnh vực ngoại giao, giữ được mối quan hệ tốt đẹp, bền vững với các cơ quan chức năng của

TW và địa phương, đồng thời góp phần không nhỏ, giúp các địa phương trong công tác ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Với những kết quả đã đạt được, đầu năm 2010, Tập đoàn đã vinh dự Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trao tặng Huân chương Lao động hạng nhì và cá nhân ông Bùi Pháp, Chủ tịch HĐQT được trao tặng Huân chương Lao động hạng ba.

2. Về hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2009, HĐQT Tập đoàn hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, luôn đảm bảo sự đồng thuận trong nội bộ, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành, liên tục điều chỉnh đối sách phù hợp với tình hình thực tế, nhờ đó đã chèo lái con tàu Đức Long Gia Lai thoát khỏi “sóng gió”, đạt được kết quả khả quan trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mà chúng tôi đã trình bày ở phần trên.

Trong nhiệm kỳ 2008 - 2009, HĐQT đã tổ chức họp chính thức 45 phiên, không tính hàng trăm cuộc họp qua điện thoại và trao đổi trực tiếp, kịp thời chỉ đạo hoạt động của Tập đoàn. Các thành viên HĐQT đã nỗ lực làm đúng trọng trách được cổ đông uỷ quyền với mục đích duy nhất là phấn đấu để Tập đoàn đạt các chỉ tiêu đề ra.

Trong quá trình chỉ đạo các mặt hoạt động của Tập đoàn, HĐQT thường xuyên duy trì giám sát, đánh giá Ban Tổng giám đốc thông qua việc kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết của HĐQT và chất vấn tại các phiên họp. Công tác giám sát, đánh giá đã giúp hoạt động của Ban Tổng giám đốc được duy trì thường xuyên và nhất quán, tuân thủ Điều lệ Tập đoàn nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của người đứng đầu bộ máy điều hành. Với các cán bộ quản lý khác, HĐQT căn cứ chức năng nhiệm vụ được phân công, quá trình tổ chức thực hiện, đối chiếu với kết quả hoàn thành để có chỉ đạo kịp thời.

Nhìn chung, qua giám sát quá trình tác nghiệp của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong Tập đoàn, chưa phát hiện các vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Tập đoàn, vi phạm pháp luật cũng như những quy tắc, quy chế chung.

Để đảm bảo tính hiệu quả và minh bạch trong quá trình điều hành Tập đoàn, từ ngày 16/01/2010, Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm ông Nguyễn Đình Trạc làm Tổng Giám đốc, thay cho ông Bùi Pháp. Ông Bùi Pháp tập trung vào thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Việc thay đổi nhân sự này đã giúp cho Tổng Giám đốc chủ động và giải quyết công việc hiệu quả hơn.

II. Định hướng hoạt động của Tập đoàn giai đoạn 2010 - 2012:

1. Tập đoàn trung thành với Chiến lược phát triển, dựa trên các nguyên tắc cơ bản: **“Phát triển bền vững - Ứng biến linh hoạt - Tăng trưởng hiệu quả”**; với mục tiêu: **“Xây dựng Công ty thành một Tập đoàn đầu tư đa ngành mạnh hàng đầu của Việt Nam vào năm 2015 cả về quy mô vốn, thương hiệu, công nghệ sản xuất, năng lực quản trị, có khả năng hợp tác và hội nhập thành công trong nước và quốc tế; cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đồng bộ, chất lượng cao cho khách hàng”**.

Trước mắt, giai đoạn 2010 - 2012, ưu tiên phát triển một số ngành nghề phát sinh doanh thu và mang lại lợi nhuận cao nhằm củng cố vốn chủ sở hữu, trên cơ sở đó Tập đoàn sẽ có đủ cơ sở và điều kiện để phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu công

trình, trái phiếu doanh nghiệp để đầu tư vào các dự án tiềm năng nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của mình.

Tập đoàn xác định, ngoài các ngành nghề truyền thống: chế biến gỗ, đá granit, bến xe và bãi đỗ, thương mại, Tập đoàn tập trung vào các ngành nghề chiến lược: trồng và chế biến các sản phẩm từ cây cao su; đầu tư xây dựng thủy điện; phát triển hệ thống mạng lưới bến xe bãi đỗ; khai thác và chế biến các loại khoáng sản, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh doanh dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng...

Ngoài việc tiếp tục các bước đầu tư, phấn đấu hoàn thành để đưa vào khai thác các công trình đang triển khai năm 2009 đã nêu trên, Tập đoàn gấp rút hoàn thiện các thủ tục cuối cùng để khởi công Thủy điện Đồng Nai 6 và 6A (Lâm Đồng, Bình Phước, Đak Nông); Thủy điện Đak Sopai (huyện Kbang, Gia Lai); Trường Phổ thông Lý Thái Tổ (Pleiku, Gia Lai); Khách sạn Mỹ Khê (Đà Nẵng); Trung tâm Thể thao Đà Nẵng; xây dựng trụ sở Tập đoàn; hoàn thiện 5.000 ha cao su tại IaBlư, Gia Lai và 5.000 ha tại các tỉnh Đak Lak, Đak Nông; mở rộng Nhà máy chế biến gỗ; hoàn thiện các thủ tục để khai thác hàng chục mỏ đá bazan, granit...

2. Các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2010 - 2012:

<u>CÁC CHỈ TIÊU</u>	<u>ĐVT</u>	<u>2010</u>	<u>2011</u>	<u>2012</u>
- Doanh thu	tỷ đồng	700	1000	1300
- Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	60	100	150
- Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu	%	8,6	10	11,5
- Tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu	%	18,11	20	25

Để phấn đấu thực hiện đạt các chỉ tiêu trên, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc phải đoàn kết một lòng, năng động, sáng tạo, thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình, giải quyết kịp thời, hiệu quả công việc. Tập đoàn thực hiện tốt chính sách thu hút và sử dụng nhân tài, “chiêu hiền đãi sĩ”, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý chuyên nghiệp; tiếp tục xây dựng và nuôi dưỡng lòng tự hào của mỗi cán bộ công nhân viên khi được cống hiến hết mình cũng như được hưởng mọi thành quả từ **Ngôi nhà chung là Tập đoàn Đức Long Gia Lai**.

Những thành quả đạt được trong năm 2009 sẽ là nền tảng cho việc thực hiện kế hoạch 3 năm: 2010 - 2012 và các năm tiếp theo. Mục tiêu có thể được điều chỉnh, kế hoạch có thể được sửa đổi nhưng tầm nhìn và sứ mệnh của Đức Long Gia Lai quyết không thay đổi với phương châm “**đi là đến**” vẫn mãi là giá trị cốt lõi của Đức Long Gia Lai.

Cuối cùng, thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng và tín nhiệm của quý cổ đông trong và ngoài nước đã đầu tư vào Tập đoàn Đức Long Gia Lai, cảm ơn sự ủng hộ của quý khách hàng và đối tác trong suốt những năm qua và đặc biệt xin cảm ơn sự lao động cần cù, sáng tạo, tâm huyết của toàn thể cán bộ công nhân viên và người lao động đã tận tâm đóng góp cho sự thành công của Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

Báo cáo tài chính đã kiểm toán của năm 2009 phản ánh một số chỉ tiêu tài chính như sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2009
1. Cơ cấu tài sản:		
- Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	39,2
- Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%	60,78
2. Cơ cấu nguồn vốn:		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	60,12
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	37,71
3. Khả năng thanh toán		
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,68
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,13
4. Tỷ suất lợi nhuận		
- LNTT/Tổng tài sản	%	3,4
- LNST/Doanh thu thuần	%	4,35
- LNST/Vốn chủ sở hữu	%	7,5

- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh:

Qua các chỉ số về thanh toán, cơ cấu tài sản, nguồn vốn... cho thấy tổng quát tình hình tài chính của Đức Long Gia Lai năm 2009 đã được cải thiện rõ rệt, cơ cấu doanh thu và lợi nhuận năm 2009 của Đức Long Gia Lai đã dần ổn định trong các ngành nghề cốt lõi, điều này chứng tỏ Đức Long Gia Lai đang từng bước khắc phục được những ảnh hưởng đảm bảo được khả năng thanh toán nợ phải trả cũng như nợ vay đến hạn.

Đối với các chỉ số về khả năng thanh toán thì trong năm 2009 Đức Long Gia Lai vẫn chưa cải thiện được nhiều. Chỉ số khả năng thanh toán nhanh chỉ đạt 0,68 lần. Điều này cho thấy khả năng chi trả ngay tất cả các khoản nợ bằng tiền khi đến hạn và cùng

một lúc tất cả các hợp đồng tại i thời điểm lập báo cáo tài chính của Công ty còn chưa đáp ứng được. Đồng thời các khoản nợ vay, lãi vay được thanh toán nhiều kỳ trong năm. Tuy nhiên chỉ số này của công ty sẽ được cải thiện trong giai đoạn 2010 – 2012 khi mà cơ cấu doanh thu lợi nhuận của Công ty đã tăng trưởng ổn định trong các ngành nghề mũi nhọn và một số dự án đầu tư dài hạn đã phát sinh doanh thu. Tuy nhiên chỉ số thanh toán hiện hành của Đức Long Gia Lai năm 2009 lại đạt 1,13 lần, chứng tỏ Đức Long Gia Lai đã có đủ năng lực để thanh toán tất cả các khoản nợ ngắn hạn khi đến thời hạn phải trả. Bên cạnh đó giai đoạn 2010 – 2012 Đức Long Gia Lai sẽ tiến hành tái cấu trúc lại cơ cấu vốn cũ ng như tái cấu trúc lại cơ cấu nợ để phù hợp với nhu cầu phát triển của mình. Để thực hiện được những việc đó, Công ty cần khai thác triệt để thế mạnh về vốn, cần có khả năng khai thác tối đa các nguồn lực để nâng cao hiệu quả đầu tư.

- Phân tích những biến động-những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động):

Năm 2009, doanh thu và lợi nhuận của Đức Long Gia Lai có sự tăng trưởng đột biến. Nguyên nhân của việc tăng trưởng này là do năm 2009 Đức Long Gia Lai đã có sự chuyển dịch cơ cấu ngành nghề kinh doanh của mình. Trong 567,8 tỷ đồng doanh thu thì tỷ trọng doanh thu từ kinh doanh thương mại (phân bón), xây dựng Công trình giao thông (BOT), Bất động sản (bán căn hộ dự án Đức Long Tower), cung ứng nguyên liệu chiếm tỷ trọng gần 80%. Các lĩnh vực sản xuất kinh doanh ngành nghề truyền thống như Gỗ, Đá và Bền xe chỉ chiếm tỷ trọng 20% trong Tổng doanh thu của Tập đoàn. Điều này khẳng định Đức Long Gia Lai đã ứng biến linh hoạt trong chiến lược phát triển của mình, chứng tỏ được tầm nhìn chiến lược của Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Tập đoàn là luôn đi đúng với xu thế phát triển của xã hội.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009: 12.000 đồng/cp

- Những thay đổi về vốn cổ đông, cổ đông sáng lập:

- Ngày 13/06/2007, Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai được thành lập và có 5 cổ đông sáng lập. Cụ thể:

Họ và tên	Số lượng nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Ông Bùi Pháp	21.200.000	72,852%

Ông Đỗ Thanh	250.000	0,859%
Ông Phạm Trung	200.000	0,687%
Ông Nguyễn Đình Trạc	200.000	0,687%
Ông Võ Châu Hoàng	150.000	0,515%
Tổng cộng	22.000.000	75,601%

- Ngày 28/12/2009, Công ty có sự thay đổi về thành viên góp vốn (Cổ đông sáng lập) như sau:

Họ và tên	Số lượng nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Ông Bùi Pháp	15.962.000	54,852%
Bà Nguyễn Thị Hương	2.910.000	10%
Ông Nguyễn Thanh Lâm	873.000	3%
Bà Nguyễn Thị Diễm	873.000	3%
Bà Võ Thị Cẩm Nhung	582.000	2%
Ông Đỗ Thanh	250.000	0,859%
Ông Phạm Trung	200.000	0,687%
Ông Nguyễn Đình Trạc	200.000	0,687%
Ông Võ Châu Hoàng	150.000	0,515%
Tổng cộng	22.000.000	75,601%

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...): 29.100.000 Cổ phiếu thường. Công ty không có các loại cổ phiếu ưu đãi.
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): không có
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: 29.100.000 cổ phiếu thường
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có): không có

- Cổ tức năm 2009: Dự kiến Công ty trả 5%/mệnh giá cổ phần

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

• Đặc điểm tình hình kinh tế thế giới:

Năm 2009 là năm mà nền kinh tế có nhiều biến động, tình hình kinh tế thế giới diễn biến hết sức phức tạp và khó lường. Cuộc khủng hoảng toàn cầu từ năm 2008 và kéo dài đến cuối năm 2009 đã làm cho các doanh nghiệp trên toàn thế giới gặp không ít khó khăn, nhiều doanh nghiệp lớn có bề dày lịch sử hoạt động đã bị phá sản hoặc có nguy cơ bị phá sản. Giá dầu thô trên thế giới liên tục biến động khó lường, từ năm 2008 có lúc giá dầu tăng từ 90USD/thùng lên 147 USD/thùng rồi có khi giảm xuống còn 33,87 USD/thùng và giao động quanh mức 40USD/thùng vào thời điểm cuối năm 2008. Bước sang năm 2009, mặc dù vào thời điểm cuối năm nền kinh tế bắt đầu có dấu hiệu hồi phục nhưng tiềm ẩn bên trong là khả năng lạm phát cao, giá vàng biến động tăng không ngừng, bên cạnh đó sự yếu đi của đồng đô la Mỹ đã làm cho nền kinh tế gặp không ít khó khăn. Trước những diễn biến khó lường đó, Chính Phủ Việt Nam đã áp dụng các biện pháp vĩ mô để ổn định nền kinh tế. Việc Chính phủ chấm dứt gói kích cầu thứ nhất và việc Ngân hàng Nhà Nước tăng lãi suất cơ bản đã làm cho các doanh nghiệp vốn đã khó khăn do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu lại càng khó khăn hơn.

Ở trong nước, các doanh nghiệp cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng từ hậu quả của các diễn biến tiêu cực thái quá của nền kinh tế, kéo theo sự sụt giảm trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Đức Long Gia Lai. Tuy nhiên Đức Long Gia Lai đã không ngừng nỗ lực phấn đấu đạt được kết quả sản xuất kinh doanh của mình theo kế hoạch đã được Hội đồng quản trị đề ra và kết quả cuối cùng đã đạt vượt kế hoạch rất nhiều.

Với tình hình như vậy, trong năm 2009 Đức Long Gia Lai đã có những thuận lợi, khó khăn như sau:

Thuận lợi:

- Đức Long Gia Lai nhận được sự quan tâm hỗ trợ, chỉ đạo sát sao của các cơ quan chính quyền tỉnh Gia Lai và sự hợp tác giúp đỡ của các đối tác, các Ngân hàng về mọi mặt.

- Đức Long Gia Lai đã trở thành Công ty đại chúng vào năm 2008 và đã dần thay đổi phương thức quản trị theo đúng tiêu chuẩn của một công ty đại chúng.
- Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV của Công ty có sự đoàn kết nhất trí cao, tâm huyết vì mục tiêu phát triển của Đức Long Gia Lai.

Khó khăn:

- Tình hình thị trường không ngừng biến động, giá xăng dầu thế giới trong nước liên tiếp tăng, giá điện cũng không ngừng gia tăng đã làm cho chi phí đầu vào của nguyên vật liệu không ngừng phát sinh tăng, điều này dẫn đến Doanh thu và lợi nhuận của công ty cũng bị ảnh hưởng theo.
- Hiện tượng một số hãng xe tổ chức đón khách không qua bến, tình trạng xe dù... hiện vẫn đang còn phổ biến ở địa bàn thành phố Pleiku là một bài toán nan giải của ngành giao thông vận tải tỉnh Gia Lai.
- Lạm phát tăng và có dấu hiệu tăng cao trong những tháng cuối năm, dẫn đến chính sách thắt chặt tiền tệ của Chính phủ đã làm cho việc huy động vốn đầu tư của Công ty gặp không ít khó khăn. Chi phí sử dụng vốn cao đã làm cho hiệu quả kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng lớn.
- Nguồn lực về đội ngũ quản lý của Đức Long Gia Lai còn bị hạn chế, đội ngũ cán bộ quản lý còn mỏng, năng lực chuyên môn và quản lý còn chưa đáp ứng được với mô hình và quy mô phát triển của Công ty.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Đức Long Gia Lai được mở rộng, không những chỉ là những ngành nghề truyền thống mà còn mở rộng ra các ngành nghề mũi nhọn phù hợp với xu thế phát triển của xã hội... Tuy nhiên do còn đang trong giai đoạn ban đầu, chưa có nhiều kinh nghiệm nên hiệu quả kinh doanh chưa cao.

• Các chỉ tiêu kế hoạch đã thực hiện :

Với những công việc đã thực hiện trên , kết quả SXKD của Công ty năm 2009 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2009	TH 2009	SO SÁNH	
					VỚI KH 2009	VỚI 2008
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	339.527.000.000	567.808.498.735	167,2%	+192,3%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	24.170.000.000	29.885.944.237	124%	+3.014%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	18.128.000.000	24.715.564.387	136,5%	+3528%
4	Lợi ích của cổ đông	Tỷ đồng	-	21.875.126.220		+10.950%
5	Lợi nhuận chưa phân phối	Tỷ đồng	-	24.715.564.387		+3.528%
6	Trích dự phòng điều chỉnh tỷ giá cuối kỳ và điều chỉnh khác	Tỷ đồng	-	4.416.504.644	-	-
7	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2009 sau điều chỉnh	Tỷ đồng	-	20.299.059.743	-	+2.804%
8	Tổng số thuế và các khoản phải	Tỷ đồng	-	14.830.237.444	-	160,9%

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2009	TH 2009	SO SÁNH	
	nộp khác cho NSNN					

• **Đánh giá kết quả đạt được:**

Trong năm qua, mặc dù tình hình kinh doanh của Công ty tiếp tục gặp không ít khó khăn, nhu cầu đi lại giao thương của người dân có chiều hướng giảm, các hãng vận tải cắt giảm chuyên để bảo tồn lợi nhuận, lạm phát bắt đầu có dấu hiệu tăng cao khiến cho các chính sách vĩ mô phải điều chỉnh theo chiều hướng kìm chế lạm phát làm cho thị trường tài chính tiền tệ, các nguồn vốn tín dụng cũng bị thu hẹp nên Công ty gặp không ít khó khăn trong việc huy động các nguồn vốn để thực hiện các dự án đầu tư và sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên Đức Long Gia Lai vẫn hoàn thành vượt kế hoạch đề ra. Cụ thể doanh thu năm 2009 của Công ty đạt 567,8 tỷ đồng, tăng 67,2% so với kế hoạch và tăng 192,3% so với năm 2008. Điều này khẳng định việc sản xuất kinh doanh của Công ty đã được khẳng định là tăng trưởng vượt qua khỏi khó khăn trong thời kỳ khủng hoảng chung. Trong tương lai Đức Long Gia Lai sẽ phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định cao để đảm bảo lợi ích tối đa cho các cổ đông.

Riêng về lợi nhuận, năm 2009 Công ty có sự tăng trưởng đột biến nhờ áp dụng mô hình quản lý chuyên nghiệp và hiện đại cùng với việc gia tăng tiết kiệm các khoản chi phí nhằm bảo toàn và nâng cao lợi ích tối đa cho các cổ đông. Cụ thể năm 2009 Công ty đạt 24,7 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, bằng hơn 3.500% so năm 2008. Đây là một kết quả ấn tượng thể hiện quyết tâm của toàn thể ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên trong Tập Đoàn Đức Long Gia Lai.

Trong năm 2009, Đức Long Gia Lai đã thỏa thuận và ký hợp đồng với nhiều đối tác trong và ngoài nước về hợp tác phát triển, trong đó hợp đồng Tổng thầu dự án đường BOT tại Bình Phước; hợp đồng xuất khẩu đồ gỗ gia dụng sang các thị trường Châu Âu và Châu Á; hợp đồng tài nhận tài trợ tín dụng từ các tổ chức Tài chính và các NHTM để thực hiện các dự án đầu tư và các dự án kinh doanh....

Tóm lại trong năm 2009 tuy còn nhiều khó khăn nhưng Công ty không những đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình mà còn thực hiện thành công vượt kế hoạch doanh thu lợi nhuận đã được đại hội đồng cổ đông thông qua trong kỳ họp thường niên 2008. Những thành tựu mà Công ty đạt được khẳng định Đức Long Gia Lai đang từng bước chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa công tác quản lý nhân lực, cơ sở vật chất, kỹ thuật, nguồn nhân lực, hệ thống quản lý và thị trường cho sự phát triển của Công ty trong những năm tới.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

- Kiện toàn tổ chức hoạt động của Công ty, cập nhật, hoàn thiện các quy trình, quy chế theo quy định...
- Chính thức trở thành Công ty đại chúng theo quy định của Luật chứng khoán. Tiến hành các thủ tục hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu lần đầu trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Các biện pháp kiểm soát:** trong năm qua, mặc dù tình hình kinh doanh của Đức Long Gia Lai còn gặp nhiều khó khăn kéo theo tình hình tài chính và tiến độ thực hiện các dự án đầu tư còn bị chậm so với kế hoạch. Tuy nhiên các chỉ tiêu SXKD chính như Doanh thu và Lợi nhuận vẫn được Đức Long Gia Lai duy trì tốt và có sự vượt trội. Kết quả đạt được như trên là do:

- Chủ trương lãnh đạo của Hội đồng quản trị Tập đoàn Đức Long Gia Lai hoàn toàn xuyên suốt và đúng đắn với sự phát triển của Tập đoàn.
- Lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV của Đức Long Gia Lai đã tập trung về mọi mặt để đảm bảo Công ty hoạt động tốt đồng thời khai thác tối đa mọi nguồn lực để đảm bảo Công ty hoạt động liên tục trong thời kỳ hủng hoảng.
- Đức Long Gia Lai đã quản lý chặt chẽ các khoản chi phí, kiểm soát toàn bộ quá trình vận hành hệ thống tổ chức... đảm bảo hiệu quả SXKD đạt mức tối ưu.
- Xây dựng quy trình kiểm soát nội bộ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2000...

- Các nguồn vốn, cấu trúc vốn đã được cơ cấu lại một cách hợp lý để giảm đến mức thấp nhất chi phí vốn vay...
- Tích cực hoàn thiện công tác quản lý, chuẩn bị nguồn nhân lực, đẩy mạnh công tác đầu tư, tìm kiếm và phát triển thị trường để tạo tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Các chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch kinh doanh năm 2010:

- Doanh thu: 700 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 70 tỷ đồng

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán :

1. Bảng cân đối kế toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
Số 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-ETC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		531.701.821.453	260.178.199.817
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		13.438.427.649	26.045.137.579
1. Tiền	111	5	13.438.427.649	26.045.137.579
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.988.566.884	16.312.701.554
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	13.988.566.884	16.312.701.554
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		252.199.413.997	71.830.614.381
1. Phải thu của khách hàng	131		186.852.609.104	12.100.315.695
2. Trả trước cho người bán	132		37.709.177.878	48.435.656.144
3. Các khoản phải thu khác	135	7	27.637.627.015	11.294.642.542
IV. Hàng tồn kho	140	8	239.406.942.085	132.549.883.044
1. Hàng tồn kho	141		239.406.942.085	132.549.883.044
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.668.470.838	13.439.863.259
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	516.792.903	615.691.140
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.841.891.560	5.999.195.271
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước khác	154	10	303.600	164.410.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	9.309.482.775	6.660.566.848
B TÀI SẢN DÀI HẠN			343.105.803.264	329.074.323.570
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		266.327.454.636	316.886.597.576
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	94.175.144.629	91.486.344.495
- Nguyên giá	222		121.478.989.129	111.645.541.319
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.303.844.500)	(20.159.196.824)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	9.733.441.642	12.115.051.237
- Nguyên giá	225		12.920.680.403	14.230.532.722
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.187.238.761)	(2.115.481.485)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	95.474.782.881	95.541.849.548
- Nguyên giá	228		95.568.882.814	95.568.882.814
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(94.099.933)	(27.033.266)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	66.944.085.484	117.743.352.296
III. Bất động sản đầu tư	240	16	66.720.417.973	
- Nguyên giá	241		66.720.417.973	
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.600.000.000	5.600.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258	17	5.600.000.000	5.600.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.457.930.655	6.587.725.994
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	3.265.604.843	5.151.818.093
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		393.764.186	461.270.901
3. Tài sản dài hạn khác	268	19	798.561.626	974.637.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		874.807.624.717	589.252.523.387

Các Thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 31 là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính này

Trang 5

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

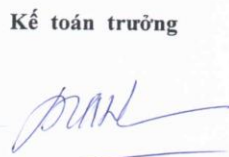
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
A NỢ PHẢI TRẢ	300		525.865.125.457	274.683.830.548
I. Nợ ngắn hạn	310		468.732.814.183	256.058.524.645
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	247.384.966.278	213.281.235.153
2. Phải trả cho người bán	312		188.904.009.169	11.768.378.935
3. Người mua trả tiền trước	313		12.175.953.122	14.866.713.636
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	21	14.830.237.444	9.251.942.804
5. Phải trả người lao động	315		2.437.050.512	1.925.902.974
6. Chi phí phải trả	316	22	1.850.748.000	
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	23	1.149.849.658	4.964.351.143
II. Nợ dài hạn	330		57.132.311.274	18.625.305.903
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	
2. Phải trả dài hạn khác	333		317.000.000	
3. Vay và nợ dài hạn	334	24	56.815.311.274	18.625.305.903
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		329.924.186.597	309.861.234.831
I. Vốn chủ sở hữu	410		331.288.563.891	309.671.201.827
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	25	291.000.000.000	291.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	25	13.335.942.000	13.335.942.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(123.938.157)	
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	25	6.303.832.983	4.752.248.104
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	25	453.469.926	366.301.997
6. Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	419		20.197.397	
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420	25	20.299.059.743	216.709.726
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		(1.364.377.294)	190.033.004
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		(1.364.377.294)	190.033.004
2. Nguồn kinh phí	432		-	
C LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	26	19.018.312.663	4.707.458.008
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		874.807.624.717	589.252.523.387

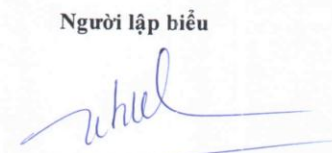
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2009	31/12/2008
Ngoại tệ các loại	USD 65.178,57	34.217,64

Tổng Giám đốc

Nguyễn Đình Trạc
Gia Lai, ngày 25 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hải

Người lập biểu

Trần Thị Tinh Tú

2. Kết quả kinh doanh hợp nhất :

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
Số 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ
trưởng BTC

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	27	567.808.498.735	194.007.592.116
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	944.386.023	277.659.039
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10	27	566.864.112.712	193.729.933.077
4. Giá vốn hàng bán	11	28	492.065.802.829	170.401.357.305
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		74.798.309.883	23.328.575.772
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	3.678.983.703	5.023.066.059
7. Chi phí tài chính	22	30	25.177.191.537	15.428.811.277
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.993.717.234	10.906.084.559
8. Chi phí bán hàng	24		7.476.236.413	5.173.089.842
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.409.233.215	8.460.687.492
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.414.632.421	(710.946.780)
11. Thu nhập khác	31	31	1.098.342.908	2.021.312.716
12. Chi phí khác	32	32	1.627.031.092	313.929.941
13. Lợi nhuận khác	40		(528.688.184)	1.707.382.775
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	33	29.885.944.237	996.435.995
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	5.152.295.017	733.539.162
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	18.084.833	(461.270.901)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	33	24.715.564.387	724.167.734
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		2.840.438.167	507.458.008
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		21.875.126.220	216.709.726
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34		752	8

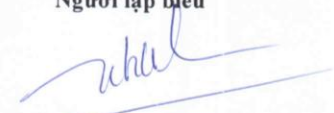

Tổng Giám đốc
Nguyễn Đình Trạc

Gia Lai, ngày 25 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng


Vũ Thị Hải

Người lập biểu


Trần Thị Tinh Tú

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

VI. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN:

Thuyết minh Báo cáo tài chính (đã được xác nhận của kiểm toán):

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai, tên giao dịch bằng tiếng Anh là Duc Long Gia Lai Group JSC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000135 ngày 13 tháng 06 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/10/2008. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh chính

1. Sản xuất kinh doanh chế biến đồ gỗ tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.
2. Trồng cây cao su và các loại cây công nghiệp khác.
3. Sản xuất truyền tải phân phối điện.
4. Khai thác và chế biến khoáng sản, đá granite.
5. Xây dựng đường bộ và các loại công trình kỹ thuật dân dụng khác.
6. Dịch vụ khách sạn, resort, bến xe, bãi đỗ xe. Kinh doanh vận tải hành khách, vận tải hàng hoá, căn hộ cho thuê, cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
7. Đầu tư tài chính. Hoạt động tư vấn quản lý

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai) và chín công ty con.

Các Công ty con được hợp nhất

✓ Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Cưa xẻ bào gỗ và bảo quản gỗ; Mua bán gỗ các loại; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ.
- Vốn điều lệ: 40.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 80,25%

✓ **Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải bằng đường bộ; Vận tải khách bằng xe buýt; Vận tải khách theo tuyến cố định; Vận tải hàng; Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ ăn uống khác; Đại lý mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn tổng hợp; Hoạt động vui chơi, giải trí khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Cho thuê văn phòng; Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng; Vận tải hành khách theo hợp đồng; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải.
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 54,67%

✓ **Công ty TNHH Khai thác và Chế biến đá Granit Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô E6 Khu Công Nghiệp Trà Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất đá chẻ, cắt đá theo yêu cầu xây dựng; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt.
- Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 66,67%

✓ **Công ty TNHH Cung ứng Nguyên vật liệu vật tư & Thiết bị Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Mua bán máy móc, thiết bị chế biến gỗ; Mua bán máy móc, thiết bị chế biến đá.
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 88,00%

✓ **Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng, vận hành các công trình thủy điện lớn; Đầu tư xây dựng, vận hành các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Xây dựng các công trình thủy lợi, đập, hệ thống tưới tiêu; Xây dựng công trình thủy công thuộc công trình thủy điện lớn; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng vỏ bao che công trình công nghiệp; Đầu tư cung cấp nước sạch,

Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chế biến vật liệu xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khoan phụt, xử lý và gia cố nền móng công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Đầu tư, xây dựng, quản lý khu du lịch sinh thái; Nuôi trồng thủy sản; Chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy nông; Chế tạo, lắp đặt thiết bị thủy điện.

- Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%

✓ **Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, phường Trà Bá, Thành phố Pleiku.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình giao thông, công trình hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Lắp đặt công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình giao thông, công trình hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Sản xuất, chế tạo vật tư, cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường; Mua bán vật tư cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường; Quảng cáo; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất; Dịch vụ lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các mặt hàng công ty kinh doanh; Đầu tư, quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy điện, thủy lợi; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật khác; Xây dựng công trình thủy điện, thủy lợi; Phá dỡ công trình; Chuẩn bị mặt bằng xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện, cơ khí thủy công, các công trình công nghiệp, dân dụng và nhà máy thủy điện.
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%

✓ **Công ty Cổ phần Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc**

- Địa chỉ trụ sở chính: Phường Lộc Sơn, Thị xã Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Vận tải khách bằng xe buýt, vận tải khách theo tuyến cố định; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Đầu tư xây dựng bến bãi; Dịch vụ ăn uống; Đại lý mua bán xăng, dầu và các sản phẩm liên quan; Đại lý mua bán chất bôi trơn và làm sạch động cơ; Dịch vụ lưu trú; Bán buôn tổng hợp; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 60,00%

✓ **Công ty Cổ phần Trồng rừng và cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng cây cao su; Trồng cây lâu năm khác; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Khai thác gỗ rừng trồng; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xử lý hạt giống để nhân giống.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 60,00%

✓ **Công ty Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: 63/19A Cống Quỳnh, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP HCM.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ;
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 80,00%

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Các công ty con

Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các công ty này. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Các giao dịch bị loại ra khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch nội bộ và lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại bỏ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi

phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 50
Máy móc, thiết bị	8 – 12
Phương tiện vận tải	5 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8

4.9 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được phản ánh theo nguyên giá và không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng (thời hạn thuê) được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Mức khấu hao tùy thuộc vào thời gian thuê đất.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	3 - 5

4.10 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.12 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến ngày 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.13 Chi phí vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.14 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.15 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại

phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp:
 - Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
 - Công ty TNHH Khai thác và Chế biến đá Granit Đức Long Gia Lai được áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 15% trong vòng 8 năm (từ năm 2008 đến 2015) và giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 6 năm tiếp theo kể từ năm 2008. (Những ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp trên đây được quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư số 39221000010 ngày 20/12/2007 của Ban quản lý các KCN Tỉnh Gia Lai).
 - Theo giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 39221000013 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp cho Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai thì Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai được kế thừa ưu đãi về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp từ Giấy chứng nhận đầu tư số 209/GCN-UB ngày 02/02/2005 là được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 01 năm và giảm trong 04 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư của Nhà máy 3 (Xí nghiệp Xuân Phúc) mang lại. Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai đem một phần tài sản này góp vốn vào Công ty CP Chế biến Gỗ Đức Long Gia Lai. Do đó, Công ty CP Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai được kế thừa những ưu đãi thuộc dự án trên giá trị tăng thêm của tài sản đã góp.
 - Ngoài ra, Các Công ty thuộc diện Doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Thông tư số 03/2009/TT_BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính sẽ được giảm 30% thuế TNDN phải nộp năm 2009.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

5. Tiền

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tiền mặt tại quỹ	5.174.708.059	18.233.358.199
Tiền gửi ngân hàng	8.263.719.590	7.811.779.380
Cộng	_____	_____

	<u>13.438.427.649</u>	<u>26.045.137.579</u>
6. Đầu tư ngắn hạn		
	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Cho vay ngắn hạn	13.988.566.884	16.312.701.554
Cộng	<u>13.988.566.884</u>	<u>16.312.701.554</u>
7. Các khoản phải thu khác		
	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Thuế GTGT của Tài sản thuê tài chính	264.414.286	
Các khoản phải thu khác	27.373.212.729	11.294.642.542
Cộng	<u>27.637.627.015</u>	<u>11.294.642.542</u>
8. Hàng tồn kho		
	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	95.892.094.855	99.006.876.616
Công cụ, dụng cụ	542.109.838	266.764.087
Chi phí SXKD dở dang	60.349.824.504	1.488.498.308
Thành phẩm	12.823.251.910	15.046.921.125
Hàng hóa	69.799.660.978	16.740.822.908
Cộng	<u>239.406.942.085</u>	<u>132.549.883.044</u>
9. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	31/12/2009	31/12/2008

	VND	VND			
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	426.861.956	615.691.140			
Chi phí ngắn hạn chờ phân bổ	89.930.947				
Cộng	516.792.903	615.691.140			
10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	31/12/2009	31/12/2008			
	VND	VND			
Các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước (Thuế TNCN)	303.600	164.410.000			
Cộng	303.600	164.410.000			
11. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2009	31/12/2008			
	VND	VND			
Tạm ứng	8.301.282.775	6.660.566.848			
Ký quỹ bảo đảm tiền vay Ngân hàng Phát triển Gia Lai	1.000.000.000				
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.200.000				
Cộng	9.309.482.775	6.660.566.848			
12. Tài sản cố định hữu hình					
	Nhà cửa, Vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	81.221.526.225	20.022.401.567	10.152.507.351	249.106.176	111.645.541.319

Tăng trong năm	957.739.253	5.558.441.558	3.644.453.012	637.258.617	10.797.892.440
Giảm trong năm	-	-	964.444.630	-	964.444.630
Số cuối năm	82.179.265.478	25.580.843.125	12.832.515.733	886.364.793	121.478.989.129
Khấu hao					-
Số đầu năm	11.507.943.027	5.079.965.557	3.523.322.860	47.965.380	20.159.196.824
Tăng trong năm	3.492.078.016	1.916.131.742	1.730.410.663	194.611.470	7.333.231.891
Giảm trong năm	12.077.000	-	176.507.215	-	188.584.215
Số cuối năm	14.987.944.043	6.996.097.299	5.077.226.308	242.576.850	27.303.844.500
Giá trị còn lại					-
Số đầu năm	69.713.583.198	14.942.436.010	6.629.184.491	201.140.796	91.486.344.495
Số cuối năm	67.191.321.435	18.584.745.826	7.755.289.425	643.787.943	94.175.144.629

13. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.611.142.857	6.619.389.865	14.230.532.722
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	1.309.852.319	1.309.852.319
Số cuối năm	7.611.142.857	5.309.537.546	12.920.680.403
Khấu hao			
Số đầu năm	510.004.552	1.605.476.933	2.115.481.485
Tăng trong năm	1.172.555.685	618.658.003	1.791.213.688
Giảm trong năm	-	719.456.412	719.456.412
Số cuối năm	1.682.560.237	1.504.678.524	3.187.238.761
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.101.138.305	5.013.912.932	12.115.051.237
Số cuối năm	5.928.582.620	3.804.859.022	9.733.441.642

- Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 090/07/ALCII ngày 30/08/2007 với Chi nhánh Công ty cho thuê Tài chính II tại Khánh Hòa (Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam) và các Phụ lục của Hợp đồng này, Công ty đã thuê tài chính 03

chiếc Ford Everest 7 chỗ ngồi trong thời hạn thuê là 60 tháng. Lãi suất thuê tài chính là 1,1% /tháng. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất thuê trong hạn.

- Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 120/07/ALCII ngày 07/01/2008 với chi nhánh công ty cho thuê tài chính II tại Khánh Hòa (Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam) và các Phụ lục của Hợp đồng này, Công ty đã thuê tài chính 01 chiếc xe Ford thời hạn thuê là 60 tháng. Lãi suất thuê tài chính là 1,1% /tháng. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất thuê trong hạn.
- Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 074/09/ALCII-KH-HĐCT ngày 31/08/2009 với Chi nhánh Công ty cho thuê Tài chính II tại Khánh Hòa (Ngân hàng Nông nghiệp và PT NT Việt Nam) và các Phụ lục của Hợp đồng này, Công ty đã thuê tài chính 06 chiếc xe Ô tô Transinco trong thời hạn thuê là 26 tháng. Lãi suất thuê (trong hạn) là 0,875%/tháng. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất thuê trong hạn.
- Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 075/09/ALCII-KH-HĐCT ngày 31/8/2009 với Công ty cho thuê tài chính II (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam_Chi nhánh Khánh Hòa) và các Phụ lục của Hợp đồng này, Công ty đã thuê tài chính 01 dây chuyền chế biến đá ốp lát đá Granit do Italia sản xuất, 01 công trục dầm đôi hai conxong tải trọng nâng 30 tấn, 02 cầu trục dầm đơn tải trọng nâng 3 tấn, 01 máy cưa cầu, 08 máy cưa trụ, 04 máy đánh bóng bằng tay có trụ thép, 02 máy cắt quy cách, 01 máy hàn Segmente trong thời hạn 44 tháng. Lãi suất thuê tài chính là 0,875%/tháng, áp dụng lãi suất thả nổi theo nguyên tắc: Lãi suất thuê bằng lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm điều chỉnh nhân với 150% và được điều chỉnh khi lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước thay đổi theo từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất đi thuê quy định trên đây. Khi kết thúc hợp đồng thuê, Công ty có quyền tiếp tục thuê hoặc mua lại tài sản thuê tài chính với giá chọn mua là 20.000.000 đồng (đơn giá: 1.000.000 đồng/tài sản).

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	95.255.882.81	313.000.000	95.568.882.81
Tăng trong năm	4	-	4
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	95.255.882.81	313.000.000	95.568.882.81
	4		4
Khấu hao			
Số đầu năm	-	27.033.266	27.033.266
Tăng trong năm	-	67.066.667	67.066.667
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	94.099.933	94.099.933
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	95.255.882.81	285.966.734	95.541.849.54

	4		8
Số cuối năm	95.255.882.81	218.900.067	95.474.782.88
	4		1

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Dự án trồng cao su tại IaTiem	7.539.307.430	6.520.775.916
Công trình Cao ốc Đức Long Tower	-	30.086.860.214
Công trình nâng cấp và mở rộng khách sạn Đức Long	108.780.538	108.780.538
Công trình Xây dựng cây xăng	636.363.637	636.363.637
Công trình Cầu đường cao su tại IaBlứ	2.428.443.965	34.130.000
Dự án trồng Cao su tại IaBlứ	28.045.618.410	9.532.530.086
Dự án Incommex Sài Gòn_Nha Trang	167.199.119	167.199.119
Dự án trồng Cao su tại Đức Cơ	1.148.571	1.148.571
Dự án Mở Quặng Sắt	332.919.381	288.943.906
Dự án bến xe phía Nam	5.431.466.958	625.793.120
Dự án Thủy Điện Đồng Nai 6	2.851.252.223	1.192.713.554
Dự án Đá Granite Nghĩa Hưng, Chupah	264.549.889	239.411.664
Dự án Thủy Điện Mỹ Lý	21.790.269	19.719.701
Dự án công ty điện ĐLGL	999.508.695	999.508.695
Dự án công ty Nhà mẫu Đức Long	-	199.352.525
Dự án cao ốc 92 Nguyễn Hữu Cảnh	-	66.720.417.973
Dự án thủy Điện Tà Nung	70.050.000	

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Dự án Bến xe Bảo Lộc	9.041.991.606	
Dự án Bến xe Đăk Lăk	1.238.000	
Nâng cấp kho nhà máy 1 và 2	249.415.394	
Công trình Thủy điện Kroong	8.532.454.086	
Các Công trình Xây dựng khác	220.587.313	369.703.077

Cộng	66.944.085.484	117.743.352.296
-------------	-----------------------	------------------------

16. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất lâu dài VND	Cộng VND
Nguyên giá		

Số đầu năm		
Tăng trong năm	66.720.417.973	66.720.417.973
Giảm trong năm		
Số cuối năm	66.720.417.973	66.720.417.973
Khấu hao		
Số đầu năm		
Tăng trong năm		
Giảm trong năm		
Số cuối năm		
Giá trị còn lại		
Số đầu năm		
Số cuối năm	66.720.417.973	66.720.417.973

17. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Đầu tư dài hạn khác	5.600.000.000	
- Góp vốn vào Công ty Vệ sinh Tây Sơn (i)	5.600.000.000	
Cộng	5.600.000.000	

(i) Góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn đến thời điểm 31/12/2009 là: 5.600.000.000 đồng (56.000 cổ phần), chiếm tỷ lệ 18,6% vốn điều lệ. Công ty không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn tại ngày 31/12/2009. Năm 2009, Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn được ghi nhận theo giá gốc.

18. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.984.641.338	3.267.046.218
Chi phí dài hạn chờ phân bổ	1.280.963.505	1.884.771.875
Cộng	3.265.604.843	5.151.818.093

19. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Các khoản t/ chấp,k/cước (Công ty Cho thuê Tài chính II)	761.561.626	937.637.000
Khoản ký quỹ môi trường	37.000.000	37.000.000
Cộng	<u>798.561.626</u>	<u>974.637.000</u>

20. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Vay ngắn hạn	224.269.453.102	202.669.908.830
- Ngân hàng Công Thương Gia Lai	39.750.000.000	40.909.901.600
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Gia Lai	142.087.519.200	135.210.007.230
- Ngân hàng Ngoại Thương Gia Lai	7.800.000.000	8.600.000.000
- Ngân hàng Phát Triển Gia Lai	20.400.000.000	17.950.000.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Tp HCM	14.000.000.000	
- Vay cá nhân	231.933.902	
Nợ dài hạn đến hạn trả	23.115.513.176	10.611.326.323
- Ngân hàng Công thương Gia Lai	225.000.000	275.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai	21.380.000.000	7.750.000.000
- Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín_CN Gia Lai	390.000.000	
- CN Công ty Thuê Tài chính II tại Khánh Hòa	1.036.000.000	2.386.000.000
- Công ty Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	84.513.176	200.326.323
Cộng	<u>247.384.966.278</u>	<u>213.281.235.153</u>

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.365.406.495	8.633.439
Thuế thu nhập cá nhân	14.338.412	-
Thuế thu nhập Doanh nghiệp	5.023.872.537	878.309.365
Thuế tài nguyên	61.620.000	-
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	8.365.000.000	8.365.000.000
Cộng	<u>14.830.237.444</u>	<u>9.251.942.804</u>

22. Chi phí phải trả

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Chi phí Nhân công các công trình	1.850.748.000	-
Cộng	<u>1.850.748.000</u>	<u>-</u>

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tạm ứng (dư có)	-	354.436.551
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	64.052.043	8.971.350
Kinh phí công đoàn	2.819.616	-
Cổ tức phải trả	773.987.730	1.282.056.988
Các khoản phải trả, phải nộp khác	308.990.269	3.318.886.254
Cộng	<u>1.149.849.658</u>	<u>4.964.351.143</u>

24. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Vay dài hạn	50.907.211.274	11.455.908.274
- Ngân hàng Công Thương Gia Lai (1)	250.000.000	425.000.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Gia Lai (2)	37.475.408.274	11.030.908.274
- Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín_CN Gia Lai (3)	546.000.000	
- Ngân hàng TMCP Việt Á (4)	12.635.803.000	
Nợ dài hạn	5.908.100.000	7.169.397.629
- CN Công ty Thuê Tài chính II tại Khánh Hòa	5.908.100.000	6.598.100.000
- Công ty Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	-	571.297.629
Cộng	<u>56.815.311.274</u>	<u>18.625.305.903</u>

(1) Vay dài hạn Ngân hàng Công Thương Gia Lai theo HĐTD số 148 thời gian vay từ ngày 24/05/2006 đến 24/05/2011, số tiền nhận nợ là 1.275.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo lãi suất thả nổi của ngân hàng. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay. Mục đích sử dụng tiền vay là đầu tư kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay.

(2) Vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Gia Lai:

- Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2005/HĐ ngày 11/03/2005 thời gian vay 11/03/2005 đến 31/12/2012, số tiền nhận nợ là 12.710.908.274 đồng. Lãi suất vay theo lãi suất thả nổi của ngân hàng (lãi suất hiện tại là 10,5% /năm). Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Mục đích sử dụng tiền vay là đầu tư và xây dựng bến xe liên tỉnh. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2008/HĐ ngày 16/05/2008 thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, hạn mức cho vay là 55.000.000.000 đồng (đã nhận nợ trong năm 2008 là 9.070.000.000 đồng), lãi suất cho vay không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4%/năm, nhưng lãi suất cho vay tối thiểu sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất hiện hành tại thời điểm cho vay và không thấp hơn lãi suất bán vốn

FPT cùng kỳ hạn + 2%. Lãi suất cho vay hiện tại là 16%/năm. Mục đích sử dụng là tiền vay được sử dụng để đầu tư cho dự án cao ốc Đức Long Tower Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay.

- Vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai theo Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2009/HĐ ngày 26 tháng 10 năm 2009 để đầu tư Dự án mở rộng nhà máy khai thác và chế biến đá Granit. Theo đó, tổng hạn mức vay: 4.900.000.000 đồng được đảm bảo bằng Tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay tối đa: 60 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên (27/10/2009), lãi suất theo Hợp đồng là 10,5%/năm và sẽ được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

(3) Vay Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín – CN Gia Lai theo hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần ngày 06/10/2009 để bổ sung vốn mua xe Ô tô khách. Theo đó, thời hạn vay của hợp đồng là 36 tháng. Lãi suất cho vay 0,875%/tháng chỉ áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên, các lần giải ngân sau lãi suất được áp dụng theo mức lãi suất do Ngân hàng xác định tại thời điểm giải ngân nhưng không thấp hơn lãi suất của lần giải ngân đầu tiên. Bên vay thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp là 03 Xe Ô tô khách. Trị giá thế chấp là 1.515.000.000 đồng.

(4) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Quảng Ngãi theo Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn cho vay hỗ trợ lãi suất theo Quyết định 443/QĐ-TTg & Thông tư 05/2009/TT-NHNN số 4120/2009/HĐTH ngày 28 tháng 9 năm 2009 để đầu tư Dự án Thủy điện Tà Nung tại Xã Tà Nung, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng. Theo đó, tổng hạn mức vay: 28.000.000.000 đồng được đảm bảo bằng Tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay tối đa: 11 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, lãi suất theo Hợp đồng là 10,5%/năm, được cố định trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu và sẽ được điều chỉnh từ tháng 7 trở đi. Công ty được hỗ trợ lãi suất 4%/năm trong thời hạn 2 năm (bắt đầu từ ngày 28/9/2009 đến ngày 28/9/2011). Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

25. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn CP VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2008	244.554.440.000	11.969.932.000	4.752.248.104	366.301.997	
Tăng trong năm	46.445.560.000	1.366.010.000			216.709.726
Giảm trong năm					
Số dư tại 31/12/2008	291.000.000.000	13.335.942.000	4.752.248.104	366.301.997	216.709.726
Số dư tại 01/01/2009	291.000.000.000	13.335.942.000	4.752.248.104	366.301.997	216.709.726



DUCLONG GROUP

Tăng trong năm	-	-	1.551.584.879	87.167.929	
Lợi nhuận tăng trong năm					21.875.126.220
Trích lập các quỹ					1.743.354.321
Điều chỉnh hợp nhất					(49.421.882)
Số dư tại 31/12/2009	291.000.000.000	13.335.942.000	6.303.832.983	453.469.926	20.299.059.743

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Vốn đầu tư trên các BCTC của công ty mẹ, công ty con	376.047.860.000	353.574.330.000
Vốn Công ty mẹ đầu tư vào các công ty con	69.357.860.000	58.374.330.000
- Công ty CP Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai	32.100.000.000	32.100.000.000
- Công ty CP ĐT PT DV CTCC Đức Long Gia Lai	8.200.000.000	8.200.000.000
- Công ty TNHH Khai Thác & CB Đá Granit Đức Long Gia Lai	8.000.000.000	8.000.000.000
- Công ty TNHH Cung ứng NVLVT & TB Đức Long Gia Lai	17.600.000.000	8.800.000.000
- Công ty CP ĐT & PT Điện năng Đức Long Gia Lai	2.115.060.000	1.274.330.000
- Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai	1.342.800.000	
Vốn của các cổ đông thiểu số	15.690.000.000	4.200.000.000
- Công ty CP Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai	2.900.000.000	2.900.000.000
- Công ty CP ĐT PT DV CTCC Đức Long Gia Lai	6.800.000.000	1.300.000.000
- Công ty TNHH Khai Thác & CB Đá Granit Đức Long Gia Lai	1.100.000.000	
- Công ty CP ĐT & PT Điện năng Đức Long Gia Lai	4.890.000.000	
Cộng	291.000.000.000	291.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2009 Cổ phiếu	31/12/2008 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	29.100.000	29.100.000
- Cổ phiếu thường	29.100.000	29.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	29.100.000	29.100.000
- <i>Cổ phiếu thường</i>	29.100.000	29.100.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.100.000	29.100.000
- <i>Cổ phiếu thường</i>	29.100.000	29.100.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND

26. Lợi ích của cổ đông thiểu số

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Vốn đầu tư ban đầu	4.200.000.000	
- Công ty CP Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai	2.900.000.000	
- Công ty CP ĐT PT DV CTCC Đức Long Gia Lai	1.300.000.000	
Lợi ích của cổ đông thiểu số năm trước chuyển sang	507.458.008	
- Công ty CP Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai	231.072.567	
- Công ty CP ĐT PT DV CTCC Đức Long Gia Lai	276.385.441	
Lợi ích của cổ đông thiểu số tăng trong năm	14.330.438.167	4.707.458.008
- Công ty CP Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai	175.645.635	3.131.072.567
+ Từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	175.645.635	231.072.567
+ Tăng vốn góp		2.900.000.000
- Công ty CP ĐT PT DV CTCC Đức Long Gia Lai	7.499.511.827	1.576.385.441
+ Từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.999.511.827	276.385.441
+ Tăng vốn góp	5.500.000.000	1.300.000.000
- Công ty TNHH KT & CB Đá Granit Đức Long Gia Lai	1.765.280.705	
+ Từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	665.280.705	
+ Tăng vốn góp	1.100.000.000	
- Công ty CP ĐT & PT Điện năng Đức Long Gia Lai	4.890.000.000	
+ Từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	4.890.000.000	
+ Tăng vốn góp	4.890.000.000	
Lợi ích của cổ đông thiểu số giảm trong năm	19.583.512	
- Công ty CP Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai	3.000.641	

*Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm
nhưng không qua Báo cáo KQKD
- Công ty CP ĐT PT DV CTCC Đức Long Gia
Lai
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng Ban
điều hành*

3.000.641

16.582.871

16.582.871

**Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày cuối
năm**

19.018.312.663

4.707.458.008

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng doanh thu	567.808.498.735	194.007.592.116
- Doanh thu bán hàng	549.620.940.651	166.508.809.203
- Doanh thu Cung cấp dịch vụ	18.187.558.084	27.498.782.913
Các khoản giảm trừ	944.386.023	277.659.039
- Hàng bán bị trả lại	944.386.023	277.659.039
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	566.864.112.712	193.729.933.077

28. Giá vốn hàng bán

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn hàng bán	485.238.158.773	164.408.746.081
Giá vốn Cung cấp dịch vụ	6.827.644.056	5.992.611.224
Cộng	492.065.802.829	170.401.357.305

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.453.081.929	4.693.737.769
Lãi chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	425.891.774	

Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	129.385.290
Cổ tức, lợi nhuận được chia	800.010.000	199.943.000
Cộng	<u>3.678.983.703</u>	<u>5.023.066.059</u>

30. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí lãi vay	24.993.717.234	10.906.084.559
Lỗ Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	175.349.910	4.206.422.887
Lỗ Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	316.303.831
Chi phí hoạt động tài chính khác	8.124.393	
Cộng	<u>25.177.191.537</u>	<u>15.428.811.277</u>

31. Thu nhập khác

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Hàng thừa trong kiểm kê	302.926.100	1.204.011.158
Thu bán phế liệu	16.804.652	
Trang phục bảo vệ	407.707.000	
Thu nhập từ phần mềm Pravo	-	188.098.000
Thu vận chuyên	-	161.968.571
Tiền điện	-	130.847.353
Thu thanh lý TSCĐ	194.995.272	68.181.818
Thu khác	175.909.884	235.272.690
Thu tiền thưởng	-	32.933.126

Cộng

1.098.342.908

2.021.312.716

32. Chi phí khác

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Thanh lý TSCĐ	416.600.195	112.126.510
Thanh lý sản phẩm hỏng	62.995.008	
Giá vốn trang phục	394.369.500	
Chi vận chuyển	-	81.856.528
Thuế GTGT không khấu trừ	312.988.378	
Nộp phạt thuế, phạt nộp chậm	117.102.223	56.412.531
Chi phí khác	322.975.788	63.534.372
Cộng	1.627.031.092	313.929.941

33. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.885.944.237	996.435.995
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm LN chịu thuế TNDN	(1.073.286.487)	637.664.524
- Các khoản điều chỉnh tăng LN chịu thuế TNDN	2.243.519.804	966.992.814
+ Các khoản chi ủng hộ các quỹ	12.000.000	6.165.000
+ Lỗ CLTG chưa thực hiện	-	316.303.831
+ Các khoản phạt thuế và nộp phạt khác	139.790.002	
+ Các khoản thuế nộp bổ sung năm 2007	-	
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	1.227.486.969	572.638.606
+ Chi phí lãi vay (do chưa góp đủ số Vốn điều lệ)	864.242.833	71.885.377
- Các khoản điều chỉnh giảm LN chịu thuế TNDN	3.316.806.291	329.328.290

+ Lỗ các năm trước chuyển sang	2.516.796.291	
+ Cổ tức nhận được	800.010.000	199.943.000
+ Lãi CLTG chưa thực hiện	-	129.385.290
Tổng thu nhập chịu thuế	28.812.657.750	1.634.100.519
Thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	1.530.589.441	885.376.279
- Thuế TNDN được giảm theo TT03/2009/BTC	1.500.053.843	
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.152.295.017	733.539.162
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	18.084.833	(461.270.901)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	24.715.564.387	724.167.734
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	2.840.438.167	507.458.008
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	21.875.126.220	216.709.726

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.875.126.220	216.709.726
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LN kế toán để xác định LN hoặc lỗ phân bổ cho các Cổ đông sở hữu Cổ phiếu	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu Cổ phiếu phổ thông	21.875.126.220	216.709.726
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	29.100.000	28.803.762
Lãi cơ bản trên Cổ phiếu	752	8

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

36. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán bởi AAC.

2. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC

- Ý kiến kiểm toán độc lập:



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đar)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 596/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 04 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 31. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm-toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.



Phan Xuân Vạn
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0102/KTV



Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0753/KTV

- Các nhận xét đặc biệt: (không có)

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ: (không có)

- Các nhận xét đặc biệt : (không có)

VII. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Công ty mẹ: Không có.

2. Công ty mà Đức Long Gia Lai nắm giữ cổ phần/góp vốn:

2.1 Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do DLGL nắm giữ và tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan

TT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngày thành lập	Vốn Điều lệ (tỷ)	Tỷ lệ góp vốn của ĐLGL (%)
Thành lập năm 2005 – 2008					
1	CTCP chế biến gỗ ĐLGL	02- Đặng Trần Côn- Trà Bá- Pleiku- Gia Lai	31/10/2007	40	80,25
2	CTCP Đầu tư & kinh doanh bất động sản ĐLGL	308-310 Cao Thắng (nối dài)- P. 12- Quận 10- Tp. Hồ Chí Minh	24/11/2007	100	55
3	Cty TNHH Khai thác & chế biến đá Granit ĐLGL	Lô E6- Khu Công nghiệp Trà Đa- Gia Lai	14/12/2007	10	80
4	CTCP Đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng ĐLGL	43- Lý Nam Đế- Trà Bá- Pleiku- Gia Lai	21/12/2007	15	54,67
5	CTCP Đầu tư & phát triển điện năng ĐLGL	43- Lý Nam Đế- Trà Bá- Pleiku- Gia Lai	01/02/2008	90	51
6	CTCP trồng rừng và cây công nghiệp ĐLGL	43- Lý Nam Đế- Trà Bá- Pleiku- Gia Lai	31/3/2008	30	60
7	Cty TNHH Cung ứng nguyên liệu, vật tư & thiết bị ĐLGL	02- Đặng Trần Côn- Trà Bá- Pleiku- Gia Lai	31/3/2008	20	88
8	CTCP Dịch vụ công cộng Đức Long Bảo Lộc	Phường Lộc Sơn- thị xã Bảo Lộc- tỉnh Lâm Đồng	23/6/2008	12	55,83
9	CTCP Dịch vụ bảo vệ Đức Long Gia Lai	308-310 Cao Thắng- P.12- Q.10- Tp. HCM	28/12/2008	2	80
Thành lập năm 2009					
10	Cty TNHH Khai thác khoáng sản Đức Sang Gia Lai	43 Lý Nam Đế- Trà Bá- Pleiku- Gia Lai (Bến Xe)	27/02/2009	2	60
11	CTCP Đức Long Đà Nẵng	47 Bê Văn Đàn- quận Thanh Khê- Tp. Đà Nẵng	14/4/2009	25	85

12	Công ty CP Đầu tư xây dựng Đức Long Gia Lai.	43 Lý Nam Đế – Pleiku – Gia Lai	27/10/2009	2	51
13	Cty TNHH đầu tư xây dựng cầu đường Phước Hoàng Long	Khối phố 3- thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh, Gia Lai	11/12/2009	30	80
14	Công ty CP xây dựng giao thông Minh Long Gia Lai	Thôn Hòa Bình, thị trấn Nhơn Hòa, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	30/3/2010	30	51

2.2 Công ty có dưới 50% vốn cổ phần/vốn góp do Đức Long Gia Lai nắm giữ:
Không có

3. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan:

3.1 Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc (Đức Long Bảo Lộc):



- Đức Long Bảo Lộc được thành lập vào ngày 23 tháng 06 năm 2008 trên cơ sở góp vốn của các tổ chức, cá nhân với các ngành nghề kinh doanh như:
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.
 - Vận tải hành khách công cộng bằng xe bus, vận tải hành khách theo tuyến cố định.
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
 - Đầu tư xây dựng bến bãi.

- Kinh doanh dịch vụ ăn uống.
 - Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm có liên quan.
 - Đại lý mua bán chất bôi trơn và làm sạch động cơ.
 - Dịch vụ lưu trú
 - Buôn bán tổng hợp.
 - Dịch vụ bến xe, bãi đỗ...
- Vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 10 tỷ đồng và đăng ký thay đổi lần thứ nhất là 12 tỷ đồng.
 - Địa chỉ trụ sở chính: Phường Lộc Sơn, thị xã Bò Lộc, tỉnh Lâm Đồng
 - Trong năm 2009 Đức Long Bảo Lộc chủ yếu hoạt động đầu tư xây dựng bến xe liên tỉnh Đức Long Bảo Lộc và dự kiến sẽ đưa vào khai thác vận hành bến xe này vào đầu quý 3 năm 2010.

3.2. Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai:



Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai được thành lập ngày 21/12/2007. Đây là một trong những công ty thành viên đầu tiên của Tập đoàn Đức Long Gia Lai và cũng là một trong những công ty hoạt động có

hiệu quả nhất trong giai đoạn 2008 – 2009. Công ty hoạt động chủ yếu trên một số ngành nghề như sau:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ
 - Vận tải hành khách bằng xe buýt
 - Vận tải hành khách theo tuyến cố định
 - Vận tải hàng hóa
 - Đầu tư các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước
 - Dịch vụ ăn uống khác
 - Đại lý mua bán chất bôi trơn, làm sạch động cơ
 - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
 - Buôn bán tổng hợp
 - Hoạt động vui chơi giải trí
 - Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe
 - Cho thuê văn phòng
 - Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng
 - Vận tải hành khách theo hợp đồng
 - Sửa chữa máy móc, thiết bị
 - Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải
- ❖ Vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 10 tỷ đồng, tăng vốn lần thứ nhất lên 15 tỷ đồng bằng cách phát hành riêng lẻ ra công chúng ngày 15 Tháng 09 Năm 2009.
- ❖ Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 54,67%
- ❖ Trụ sở chính : 43 Lý Nam Đế – Pleiku – Gia Lai.
- ❖ **Tóm tắt tình hình hoạt động** : Trong năm 2009, Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai là công ty có kết quả sản xuất kinh doanh xuất sắc nhất trong các Công ty thành viên của Tập đoàn Đức Long Gia Lai . Với doanh thu đạt 15,3 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 4,4 tỷ đồng, tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đạt 21%, EPS đạt 2.933 đồng/cp.
- Năm 2009, Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai đã thực hiện thành công việc phát hành cổ phiếu ra công chúng và trở thành công ty đại chúng vào tháng 12/2009. Đặc biệt là công ty đã niêm yết thành công 1,5 triệu cổ phiếu của mình trên SGDCK Hà Nội vào ngày 10/03/2010.

STT	Chỉ tiêu	Kết quả 31/12/2009	So với 2008
01	Vốn điều lệ	15.000.000.000	-
02	Tổng tài sản	31.804.042.516	+ 34%
	- Tài sản ngắn hạn	11.951.823.599	+ 101,6%
	- Tài sản dài hạn	19.852.218.917	+ 11,9%
03	Tổng nguồn vốn	31.804.042.516	+ 34%
	- Nợ phải trả	10.383.214.901	- 15%
	- Vốn chủ sở hữu	21.420.827.615	+ 86%
04	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.380.063.396	+ 2,7%
05	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.366.513.744	+ 100%
06	Chi phí thuế TNDN hiện hành	955.825.891	+ 30,6%
07	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.410.687.653	+ 120%

Kế hoạch năm 2010: Dự kiến trong năm 2010, Công ty sẽ tiến hành đầu tư dự án Bến xe Gia Lai mở rộng, phát hành cổ phiếu tăng vốn để thực hiện đầu tư vào dự án Bến xe Đức Long Đà Nẵng, bến xe Đức Long Bảo Lộc và sẽ trở thành cổ đông lớn nắm quyền chi phối của các công ty quản lý các bến xe này. Riêng về doanh thu và lợi nhuận, Công ty đặt kế hoạch 22 tỷ doanh thu và LNST trên 6 tỷ đồng, đồng thời sẽ gia tăng giá trị cho các cổ đông để đảm bảo sự tăng trưởng bền vững.

Công ty cổ phần chế biến gỗ Đức Long Gia Lai :



Công ty cổ phần chế biến gỗ Đức Long Gia Lai được thành lập ngày 31 tháng 10 năm 2007. Đây là một trong những công ty thành viên đầu tiên của Tập đoàn Đức

Long Gia Lai và cũng là một trong những công ty hoạt động có hiệu quả nhất trong giai đoạn 2008 – 2009. Công ty hoạt động chủ yếu trên một số ngành nghề như sau:

✚ Thông tin chung:

- Địa chỉ trụ sở chính: 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Cửa xẻ bào gỗ và bảo quản gỗ; Mua bán gỗ các loại; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ.
- Vốn điều lệ: 40 tỷ đồng (tính đến 31/12/2009)
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 80,25%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 80,25%

Thông tin hoạt động:

✚ Ngành nghề kinh doanh: Chủ yếu là sản xuất và mua bán sản phẩm bằng gỗ thị trường nội địa và xuất khẩu, cụ thể như sau:

❖ Các nhóm sản phẩm chính:

❖ Đồ gỗ nội thất:

Đồ gỗ nội thất chiếm tỷ trọng doanh thu trên 50% ngành SXCB gỗ, là ngành hàng định hướng chiến lược cho bước đi các năm tiếp theo, tăng tỷ trọng lên trên 60% /tổng doanh thu, tăng trưởng thị phần ở các thành phố lớn, khu du lịch, khách sạn.....Thương hiệu Đồ gỗ ĐLGL đã khẳng định trong lòng khách hàng về các yếu tố cơ bản của sản phẩm gỗ: Kết cấu vững chắc, dễ lắp ráp, sử dụng lâu bền, giữ vân màu gỗ tự nhiên, kiểu dáng phù hợp thị hiếu.....

➤ Sản phẩm

- ✓ *Nhóm hàng nội thất căn hộ, chung cư, đồ dùng gia đình:* bàn, ghế, salon, tủ tường, kệ bếp, ván sàn, trần nhà, giường, tủ tivi, tủ đứng các sản phẩm nội thất khác...chủ yếu là bằng gỗ rái ngựa, song mã, sồi đỏ, trám hồng, xoan đào.....Kiểu dáng thiết kế phù hợp thị hiếu, hiện đại đã được thị trường rất khó tính như Hà Nội chấp nhận.Thiết kế theo gam màu thẩm mỹ, nhóm sản phẩm cho từng công năng sử dụng của của khách hàng.
- ✓ *Nhóm hàng công trình:* trần nhà, ván lát sàn, nội thất hội trường, khách sạn resort, quầy giao dịch Ngân hàng, cửa đi cửa sổ các loại, trang trí đồ gỗ trên các không gian rộng....Nhóm chuyên gia thiết kế hàng công trình của Công ty đến tận nơi tư vấn và tìm ra những giải pháp tối ưu cho khách hàng, giải pháp thi công cho công trình....
- **Thị trường nội địa:** Chia phân khúc thị trường theo đối tượng
- ✓ *Phân khúc đối tượng khách hàng có thu nhập trung bình khu vực thành phố:* Chủ yếu các loại sản phẩm không chiếm diện tích sử dụng căn hộ, có nhiều công năng trên một sản phẩm, giá cả vừa phải nhưng vẫn thể hiện sự sang trọng tại các Thành phố Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, TP. Pleiku, TP. Quy Nhơn, Bình Dương....

✓ *Phân khúc thị trường khách hàng là Doanh nghiệp, tổ chức đơn vị nhà nước, quân đội* : Chủ yếu cung cấp các loại sản phẩm cao cấp mang tính thẩm mỹ, trang trí, nghệ thuật cao...Giá cả phù hợp, tổ chức sản xuất hàng loạt, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành tạo ra nhiều công ăn việc làm, lợi nhuận cao, chủ yếu tập trung các mảng công trình có qui mô lớn, chi tiết sản phẩm đồng nhất như: hội trường, văn phòng làm việc, phòng giao dịch các Ngân hàng....

➤ **Nguồn nguyên liệu đầu vào:** Gỗ có nguồn gốc trong nước, nhập khẩu từ Lào, gỗ rừng trồng...có nguồn dồi dào, phong phú chủng loại gỗ và phù hợp với thị hiếu tiêu dùng, khả năng nguồn cung cấp lâu dài. Sử dụng dây chuyền ván ghép veneer hiệu quả tiết kiệm phần lớn hao phí sử dụng gỗ.

✧ **Đồ gỗ ngoại thất, sân vườn**

Đồ gỗ ngoại thất, sân vườn là sản phẩm xuất khẩu truyền thống của ĐLGL trong nhiều năm qua, đã khẳng định thương hiệu quốc tế.

➤ **Sản phẩm:** Đồ gỗ ngoại thất như bàn, ghế, băng, ghế nằm, xe đẩy rượu, ghế trẻ em...chủ yếu là bằng gỗ Bạch đàn, Xoan đào, Dầu, Chò, Tràm, Rái ngựa...

➤ **Thị trường xuất khẩu:** Châu Âu (Đức, Đan Mạch, Anh Quốc,...); Châu Á (Nhật bản, Hàn Quốc...)

➤ **Nguồn nguyên liệu đầu vào:** Gỗ có nguồn gốc trong nước, nhập khẩu từ Lào, gỗ rừng trồng...nguồn nguyên liệu ổn định lâu dài, xu thế thị trường chuyển sang sử dụng gỗ rừng trồng, Đức Long Gia Lai chủ động trồng trên 10.000 ha rừng cao su lấy mủ và là nguồn nguyên liệu ổn định, chủ động chi khâu chế biến gỗ. Thực hiện quy trình kiểm soát chất lượng COC và quy trình quản lý nguồn gốc gỗ FSC do các tổ chức quốc tế chứng nhận (SGS, Smarch wood).

✧ **Tóm tắt tình hình tài chính:**

DVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Kết quả 31/12/2009	So với 2008
01	Vốn điều lệ	40.000.000.000	-
02	Tổng tài sản	61.602.904.455	+ 18,7 %
	- Tài sản ngắn hạn	38.343.269.961	+ 40,8 %
	- Tài sản dài hạn	23.259.634.494	- 5,7%
03	Tổng nguồn vốn	61.602.904.455	+ 18,7%
	- Nợ phải trả	21.824.849.791	+ 54,6 %
	- Vốn chủ sở hữu	39.778.054.664	+ 5,3 %
04	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.079.509.385	- 19 %
05	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.772.030.494	+ 35,7 %
06	Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.659.596.764	+ 100 %
07	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.112.433.730	- 27,6 %

❖ **Kế hoạch năm 2010:** Trong năm 2009, doanh thu và lợi nhuận của Công ty Gỗ bị sụt giảm do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Ở trong nước người dân hạn chế mua sắm những mặt hàng cao cấp để tiết kiệm, thị trường nước ngoài cũng nằm trong hoàn cảnh đó. Chính vì vậy mà hiệu quả kinh doanh của Công ty chưa đạt như kế hoạch. Tuy nhiên bước sang năm 2010 thì tình hình kinh doanh của công ty đã có phần cải thiện, Công ty đã ký được nhiều hợp đồng có giá trị trong và ngoài nước để thực hiện sản xuất và cung cấp cho khách hàng. Dự kiến trong năm 2010, Đức Long Gia Lai sẽ xúc tiến ký kết nhiều hợp đồng về cung cấp sản phẩm đồ gỗ tại thị trường nội địa và định hướng xuất khẩu sang một số thị trường của Châu Á như Nhật Bản và một số nước trong khu vực Châu Âu. Năm trong kế hoạch của Đức Long Gia Lai, công ty cp chế biến gỗ sẽ được đại chúng hóa và tiến hành niêm yết cổ phiếu trên TTCK nhằm tăng kênh huy động vốn cho công ty và đảm bảo tính công khai minh bạch cho các nhà đầu tư.

3.4. Công ty TNHH Khai thác và Chế biến Đá Granite Đức Long Gia Lai :

Với lợi thế Tập Đoàn Đức Long Gia Lai đã được cấp nhiều mỏ đá Granite, đá Bazan trụ, đá Bazan khối có trữ lượng và chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai, gồm các loại đá hồng, đá đen đủ tiêu chuẩn cung cấp cho các công trình xây dựng đòi hỏi chất lượng cao. Những mỏ đá này đều ở vào những vị trí đắc địa thuận lợi cho việc khai thác và vận chuyển. và nhà máy sản xuất và chế biến đá Granite có công suất 300 ngàn m²/năm để cung cấp cho thị trường.



Thông tin chung:

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô E6 Khu Công Nghiệp Trà Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất đá chẻ, cắt đá theo yêu cầu xây dựng; Hoạt động thăm dò địa chất; nguồn nước; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 80%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 80%.
- Tóm tắt tình hình hoạt động năm 2009: Năm 2009 là năm mà nền kinh tế có nhiều biến động khó lường do ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu diễn ra từ năm 2008. Do đó, thị trường Bất động sản đã bị sụt giảm trầm trọng dẫn đến kết quả kinh doanh của các Công ty hoạt động trong ngành cung cấp VLXD cũng bị ảnh hưởng theo. Tuy nhiên toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty TNHH Khai thác và Chế biến Đá Granite Đức Long Gia Lai đã không ngừng phấn đấu thể hiện quyết tâm đứng vững trên thị trường của mình, khẳng định vị thế của Công ty ngay trong thời kỳ khủng hoảng. Với doanh thu năm 2009 đạt 20,73 tỷ đồng, LNST đạt gần 6 tỷ đồng, tỷ lệ LNST/DT đạt 29% là một kết quả đáng khích lệ đối với công ty nói riêng và đối với Tập đoàn Đức Long Gia Lai nói chung. Có thể tóm tắt một số chỉ tiêu tài chính của Công ty trong năm 2009 như sau:

Tóm tắt tình hình tài chính:

ĐVT:
Đồng

STT	Chỉ tiêu	Kết quả 31/12/2008	So với 2008
01	Vốn điều lệ	12.000.000.000	-
02	Tổng tài sản	33.804.625.171	+ 238%
	- Tài sản ngắn hạn	15.571.195.959	+ 387,5%
	- Tài sản dài hạn	18.233.429.212	+ 163,7%
03	Tổng nguồn vốn	33.804.625.171	+ 238%
	- Nợ phải trả	19.266.402.306	+ 860%
	- Vốn chủ sở hữu	14.538.222.865	+ 81,2%
04	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.810.556.660	+ 700%
05	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.759.678.361	+ 4.284%
06	Chi phí thuế TNDN hiện hành	332.342.812	+ 166%
07	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.427.335.549	+ 442,7%

- ❖ **Kế hoạch năm 2010:** Dự kiến trong năm 2010, thực hiện chủ trương của Tập đoàn Đức Long Gia Lai, Công ty sẽ tổ chức đầu tư xây dựng thêm 3 nhà máy chế biến đá Granite tại một số huyện của tỉnh Gia Lai. Bên cạnh đó Công ty sẽ tổ chức thăm dò và đưa vào khai thác một số mỏ đá nhằm ổn định nguồn nguyên liệu cho việc SXKD của Công ty. Đặc biệt là trong năm 2010 Công ty sẽ tổ chức thăm dò và

khai thác mỏ khoáng sản (chì, kẽm) lớn nhất Miền trung tại tỉnh Gia Lai và một số tỉnh lân cận. Theo kế hoạch phát triển ngành này của Tập đoàn Đức Long Gia Lai , Tập đoàn sẽ tiến hành cổ phần hóa Công ty Đá và phát hành cổ phiếu ra công chúng đồng thời sẽ niêm yết trên TTCK . Với chiến lược dần dần hướng Công ty thành Công ty quản lý và khai thác khoáng sản , Đức Long Gia Lai tin tưởng đây sẽ là một ngành nghề chính trong tương lai và sẽ mang lại quyền lợi tối đa cho các cổ đông của Tập đoàn cũng như cổ đông của công ty này.

3.5. Công ty TNHH Cung ứng Nguyên vật liệu vật tư & Thiết bị Đức Long Gia Lai.



✚ Thông tin chung:

- Địa chỉ trụ sở chính: 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Mua bán máy móc, thiết bị chế biến gỗ; Mua bán máy móc, thiết bị chế biến đá.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 88%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 88%

3.6. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai



Khái quát: Tập Đoàn Đức Long Gia Lai đang đồng bộ triển khai các dự án thủy điện như thủy điện Đồng Nai 6 và Đồng Nai 6A nằm trên vị trí các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông, Bình Phước với công suất lắp máy 270 MW. Điện lượng cung cấp hàng năm sau khi hoàn thành là 1,1 tỷ KWh/năm. Tổng mức đầu tư gần 6.200 tỷ đồng. Thủy điện Mỹ Lý thuộc huyện Vĩnh Sơn thuộc Tỉnh Nghệ An với công suất lắp máy là 320 KW. Điện lượng cung cấp là 1,3 tỷ HWh/năm với tổng mức đầu tư 7000 tỷ đồng. Ngoài ra Tập Đoàn Đức Long Gia Lai còn thực hiện nghiên cứu, đầu tư xây dựng một số thủy điện nhỏ và vừa như thủy điện Krôngpa – Gia Lai, thủy điện Đakspay – Kbang – Gia Lai, Dakpoco – KonChro – Gia lai, thủy điện Tà Nung – Đà Lạt – Lâm Đồng.

Hiện nay, Tập Đoàn Đức Long Gia Lai đã thành lập Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh Điện năng để quản lý và khai thác các dự án thủy điện này. Hiện nay Công ty Điện đang thực hiện giai đoạn đầu tư các dự án thủy điện nên chưa thể phát sinh doanh thu. Dự kiến từ Quý 3/2010 sẽ đưa vào vận hành và khai thác một phần thủy điện Tà Nung để hòa vào lưới điện quốc gia. Việc đưa vào vận hành và khai thác Thủy điện Tà Nung sẽ góp phần ổn định an ninh năng lượng cho các tỉnh khu vực phía nam nói riêng và cho cả nước nói chung. Song song với việc đó thì doanh thu và lợi nhuận của Đức Long Gia Lai sẽ có sự chuyển dịch cơ cấu ngành. Trong tương lai đây sẽ là mảng hoạt động mang lại doanh thu và lợi nhuận ổn định và tăng trưởng hàng năm cho Đức Long Gia Lai, tạo tiền đề cho sự tăng trưởng bền vững trong các lĩnh vực mũi nhọn nằm trong chiến lược phát triển của Đức Long Gia Lai đến năm 2020.

Thông tin chung:

- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng, vận hành các công trình thủy điện lớn; Đầu tư xây dựng, vận hành các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Xây dựng các công trình thủy lợi, đập, hệ thống tưới tiêu; Xây dựng công trình thủy công thuộc công trình thủy điện lớn; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng vỏ bao che công trình công nghiệp; Đầu tư cung cấp nước sạch, Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chế biến vật liệu xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khoan phụt, xử lý và gia cố nền móng công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Đầu tư, xây dựng, quản lý khu du lịch sinh thái; Nuôi trồng thủy sản; Chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy nông; Chế tạo, lắp đặt thiết bị thủy điện
- Vốn điều lệ: 90 tỷ đồng
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

3.7. Công ty CP Đức Long Đà Nẵng.



Nằm trong chiến lược phát triển chuỗi bến xe tư nhân của Đức Long Gia Lai, năm 2009 Công ty đã tổ chức khởi công xây dựng bến xe Đức Long Đà Nẵng với TMĐT 127 tỷ đồng. Đồng thời Đức Long Gia Lai cũng thành lập 1 công ty cổ phần để thực hiện quản lý và khai thác dự án này khi hoàn thành việc đầu tư vào năm 2011. Trong tương lai khi hệ thống bến xe mang thương hiệu Đức Long Gia Lai đi vào hoạt động ổn định sẽ mang lại cho Đức Long Gia Lai rất nhiều tiềm năng để khẳng định mô hình bến xe tư nhân đầu tiên trên cả nước của mình. Hiện tại mô hình bến xe tư nhân đã được Đức Long Gia Lai áp dụng thành công tại Gia Lai với Bến xe Đức Long Gia Lai hoạt động rất có hiệu quả và đạt được chứng nhận chất lượng Bến xe loại 1 của ngành GTVT Việt Nam do Bộ Giao thông Vận tải trao tặng.

3.8 Công ty CP Dịch Vụ Bảo Vệ Đức Long Gia Lai:

Đây là một trong những lĩnh vực mới mà Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai đang triển khai mạnh mẽ. Trước nhu cầu đòi hỏi của thực tế tại các thành phố lớn như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh và một số vùng lân cận, cùng sự kế thừa truyền thống từ miền đất võ Tây Sơn – Bình Định. Ngoài việc liên kết, góp vốn với công ty vệ sỹ Tây Sơn với quân số lao động có đến 3000 người. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai đã mở thêm công ty vệ sỹ Đức Long Gia Lai với số lao động đến nay đã có trên 1200 người. Khi tham gia công ty các thành viên được đào tạo võ thuật căn bản cùng đạo đức nghề nghiệp. Thành viên của công ty vệ sỹ Đức Long Gia Lai đã có mặt tham gia vào nhiều hoạt động góp phần giữ ổn định trật tự - an ninh – xã hội. Bằng uy tín của mình, công ty vẫn thường xuyên tuyển dụng và cho ra lò những vệ sỹ có kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất đạo đức tốt được đánh giá rất cao.

3.9 Công ty CP trồng rừng và cây công nghiệp Đức Long Gia Lai.



Trong hoàn cảnh nguồn tài nguyên rừng ngày càng cạn kiệt, Chính Phủ Việt Nam đã ra lệnh đóng cửa rừng nhằm bảo tồn nguồn tài nguyên rừng và bảo đảm môi trường sống của nhân loại không bị phá hủy. Bên cạnh đó chính sách phát triển 5 triệu hecta rừng đã được Nhà Nước phát động và động viên các doanh nghiệp tham gia để bảo vệ hành tinh xanh của con người. Hòa nhịp vào phong trào thi đua đó, Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã lập kế hoạch và được UBND tỉnh Gia Lai chấp thuận cho phép Tập đoàn trồng hoàn thiện 15.000 ha rừng trong giai đoạn 2009 – 2015. Tính đến 31/12/2009, Đức Long Gia Lai đã tổ chức trồng được 5000 ha rừng cao su và sẽ tiến hành khai hoang trồng mới từ năm 2010 đến 2015 khoảng 10.000 hecta nữa. Việc Đức

Long Gia Lai tham gia trồng , chăm sóc rừng cao su là một bước tiến mới trong kế hoạch mở rộng ngành nghề kinh doanh của mình . Trong tương lai khi nhu cầu phát triển của thế giới ngày càng tăng cao , các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng phục vụ cho con người sẽ không ngừng phát triển . Theo nguyên lý “nhu cầu thì vô hạn mà tài nguyên thì hữu hạn ” thì nguồn nguyên liệu cao su thiên nhiên sẽ ngày càng trở nên khan hiếm , nguồn nguyên liệu gỗ để phục vụ ngành nội thất cũng trở nên khan hiếm.

Đón đầu được những nhu cầu đó , Ban lãnh đạo Đức Long Gia Lai đã đề ra chủ trương mở rộng ngành nghề kinh doanh sang lĩnh vực trồng , chăm sóc và khai thác các sản phẩm từ cây Cao su nhằm chủ động được nguồn nguyên liệu cho các ngành nghề truyền thống của mình (ngành sản xuất và chế biến Gỗ). Bên cạnh đó việc khai thác và chế biến các sản phẩm từ mủ cao su cũng được dự báo sẽ mang lại lợi ích rất lớn cho Tập đoàn , đảm bảo được sự tăng trưởng bền vững và tối đa hóa các giá trị cho cổ đông.

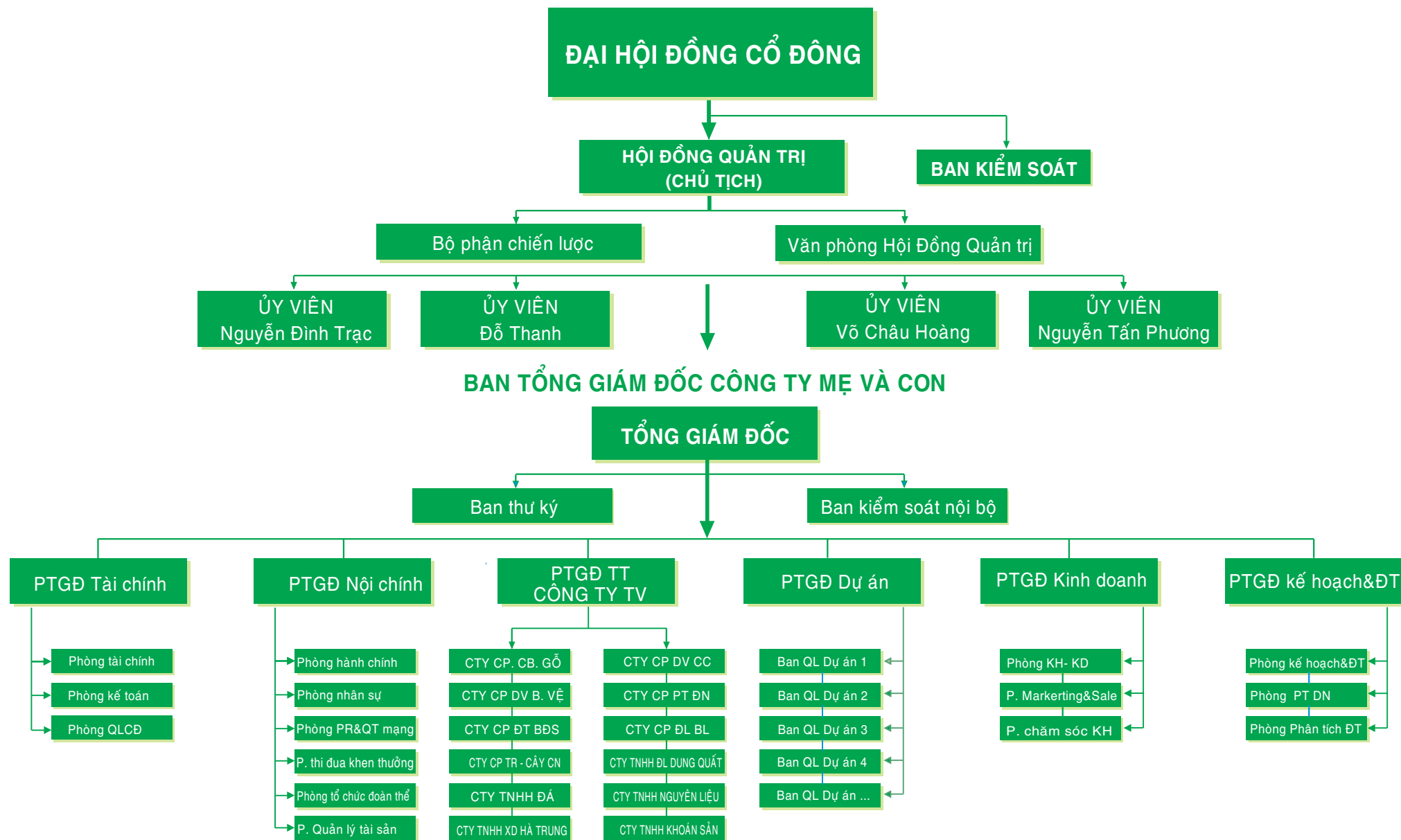
Theo thống kê thì giá cao su thiên nhiên thế giới sẽ không ngừng tăng cao trong những năm tới, điều này hứa hẹn cho Đức Long Gia Lai một tương lai vững mạnh khi Tập đoàn đã ổn định trong các ngành nghề mũi nhọn của mình . Hiện tại, Đức Long Gia Lai đã thành lập 1 công ty thành viên để quản lý và khai thác các dự án cây cao su của mình. Dự kiến đến năm 2015 Đức Long Gia Lai sẽ có thu nhập từ các dự án cao su, đây là một chiến lược đầu tư dài hạn, đòi hỏi Đức Long Gia Lai phải tập trung một nguồn vốn lớn trong giai đoạn thực hiện đầu tư . Khi các dự án Cao su đã dần ổn định thì Tập đoàn sẽ thực hiện đại chúng hóa ngành Cao su nhằm mang lại giá trị cho các cổ đông, các nhà đầu tư...

4. Tình hình đầu tư vào các công ty khác:

Hiện nay, Đức Long Gia Lai đang thực hiện đầu tư vào Công ty CP dịch vụ bảo vệ Tây Bình – Tây Sơn với số vốn là 5,6 tỷ đồng (chiếm 18% vốn điều lệ). Đây là một công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ bảo vệ chuyên nghiệp. Việc đầu tư vào Công ty này là một hoạt động đầu tư tài chính của Đức Long Gia Lai đồng thời cũng là để hỗ trợ về chuyên môn nghiệp vụ bảo vệ cho Công ty cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai tại TP.HCM.

VIII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:

1. Cơ cấu tổ chức của Đức Long Gia Lai:



1. Tóm tắt lý lịch Ban điều hành :

- Ông Bùi Pháp – Chủ tịch Hội đồng quản trị



- Năm sinh: 09/11/1962.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác : Khi đến với Gia Lai, Chủ tịch Bùi Pháp đã bị cuốn hút bởi nguồn tài nguyên rừng dồi dào của nơi này, vì thế ông mang quyết tâm xây dựng một doanh nghiệp chuyên sản xuất các sản phẩm gỗ chuyên nghiệp tại Việt Nam. Với những kiến thức lâu năm về ngành cơ khí, một nhân tố quan trọng của ngành chế biến đồ gỗ, Chủ tịch Bùi Pháp đã tạo dựng nên Tập đoàn Đức Long Gia Lai có uy tín, chiếm được cảm tình của nhiều khách hàng lớn ở Singapore, Mỹ, Nhật Bản, Hà Lan... Không dừng lại ở đó, ông cùng với các đồng sự đang nỗ lực mở rộng hoạt động của Công ty sang các lĩnh vực xây dựng, địa ốc, thủy điện, khách sạn, resort, trồng cây công nghiệp, khai thác khoáng sản, xây dựng công trình giao thông... Bằng những đóng góp đáng kể đối với Gia Lai nói riêng và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trẻ cả nước nói chung, ông đã vinh dự được trao tặng danh hiệu Doanh nhân tiêu biểu năm 2006, năm 2007 và danh hiệu Nhà Quản lý giỏi. tháng 2/2010, ông vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng huân chương lao động hạng 3 do cá nhân ông đã có đóng góp rất lớn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc giai đoạn 2005 – 2009. Cũng trong dịp này, Tập đoàn Đức Long Gia Lai được Chủ tịch nước trao tặng huân chương lao động hàng nhì cho những thành tích của Tập đoàn trong thời gian qua.



- **Ông Nguyễn Đình Trạc – Tổng Giám đốc**

- Năm sinh: 20/06/1957.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh.
- Tóm tắt quá trình công tác : Ông Nguyễn Đình Trạc từng đảm nhận các chức vụ như Kế toán trưởng Lâm trường An Hội – An Khê và KKT công ty trồng rừng nguyên liệu Gia Lai ; Giám đốc sản xuất Xí nghiệp tư doanh Đức Long Gia Lai ; Phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính, Phó tổng giám đốc thường trực Tập đoàn Đức Long Gia Lai, Ông được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai từ ngày 16/01/2010.



• **Ông Đỗ Thanh – Phó Tổng giám đốc.**

- Năm sinh: 04/06/1957
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ quản trị kinh doanh.
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Quá trình công tác: Ông Đỗ Thanh từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng trong các doanh nghiệp như Kế toán trưởng XN cơ khí Gia Lai ; chuyên viên kinh tế Sở Công nghiệp Gia Lai ; Kế toán trưởng Xí nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu Gia Lai ; KKT kiêm trưởng phòng kinh doanh XNTD Đức Long ; Phó giám đốc XNTD Đức Long ; giám đốc công ty cổ phần chế biến gỗ Đức Long Gia Lai ; ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Đức Long Gia Lai từ 13/06/2007.



• **Ông Nguyễn Tiến Dũng, Phó Tổng giám đốc phụ trách đầu tư**

- Năm sinh: 1970
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế.
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Quá trình công tác: Gần 15 năm công tác tại các vị trí quan trọng ở lĩnh vực xuất nhập khẩu, đầu tư. Ông đã từng là Kế toán trưởng Công ty Xuất nhập khẩu Tỉnh Gia Lai. Sau đó ông chuyển công tác sang công ty Điện Gia Lai, đến năm 2008 ông đầu quân vào Tập Đức Long Gia Lai làm Chuyên viên Ban đầu tư phát triển Tập đoàn Đức Long Gia Lai. Trở thành Trợ lý Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Đức Long Gia Lai. Đến nay Ông là Phó Tổng Giám đốc phụ trách đầu tư Tập đoàn Đức Long Gia Lai



• **Ông Võ Châu Hoàng – Phó Tổng giám đốc:**

- Năm sinh: 1974
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân quản trị kinh doanh
- Ngoại ngữ: tiếng Anh.

Quá trình công tác : Ông Võ Châu Hoàng từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng như giám đốc Công ty vàng bạc đá quý kim Khánh ; Giám đốc bến xe Đức Long Gia Lai ; Giám đốc Công ty cp ĐTPT Dịch vụ CTCC Đức Long Gia Lai ; giám đốc Công ty TNHH Sản xuất và chế biến đá granite Đức Long Gia Lai . Ông được bổ nhiệm làm phó Tổng giám đốc Tập đoàn Đức Long Gia Lai từ tháng 02/2008.



• **Ông Phan Xuân Viên – Phó tổng giám đốc:**

- Năm sinh: 11/07/1956
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư lâm nghiệp – cử nhân kinh tế.
- Ngoại ngữ: tiếng anh.

Quá trình công tác : Ông Phan Xuân Viên công tác tại Xí nghiệp tư doanh Đức Long Gia Lai từ năm 2004 với nhiều vị trí quản lý khác nhau , ông từng đảm nhận chức vụ Giám đốc công ty cổ phần DVCC Đức Long Bảo Lộc và hiện nay ông là phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai kiêm giám đốc Công ty cổ phần Đức Long Đà Nẵng.



• **Ông Vũ Ngọc Bình – Phó Tổng giám đốc:**

- Năm sinh: 04/01/1949
- Trình độ chuyên môn : cử nhân Kinh tế Công nghiệp
- Ngoại ngữ: tiếng anh.
- Quá trình công tác : Ông là người có kinh nghiệm lâu năm trong ngành Văn hóa – Thể thao, ông từng đảm nhận nhiều chức vụ quan trọng trong ngành VH TT như Giám đốc Công ty điện ảnh Gia Lai – Kon Tum, phó giám đốc Sở VH TT tỉnh Gia Lai – Kon Tum và Giám đốc sở Văn hóa thông tin Gia Lai . Tháng 8/2009 ông về làm việc tại Tập đoàn Đức Long Gia Lai với chức danh Trưởng Ban Nội chính Tập đoàn , Ông được bổ nhiệm làm Phó tổng giám đốc phụ trách Nội chính tại Tập đoàn Đức Long Gia Lai từ tháng 12/2009.



• **Ông Phạm Trung – Phó Tổng giám đốc**

- Năm sinh: 19/05/1953
- Trình độ chuyên môn : chuyên viên kinh tế.
- Ngoại ngữ: tiếng anh

Quá trình công tác: từ năm 1993, ông Phạm trung đã gắn bó với XNTD Đức Long và từng đảm nhận các chức vụ quản lý như Phó Giám đốc XNTD Đức Long, đến 13/06/2007 ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc phụ trách cung ứng nguyên liệu của Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

- **Thay đổi Giám đốc điều hành trong năm:** Ngày 16/01/2010 ông Nguyễn Đình Trạc được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc Tập đoàn Đức Long Gia Lai thay cho ông Bùi Pháp vì lý do ông Bùi Pháp bận nhiều công việc của Hội đồng quản trị. Hiện nay ông Bùi Pháp chỉ đảm nhận chức vụ Chủ tịch HĐQT của Đức Long Gia Lai.
- **Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc:** Tiền lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Tổng Giám đốc

- Lương Tổng Giám đốc trung bình : 15.000.000 đồng.
- Lương Phó Tổng giám đốc Trung bình : 12.000.000 đồng
- Thưởng theo quy chế trả lương, thưởng của Công ty và trích từ quỹ khen thưởng phúc lợi.
- Thưởng Ban điều hành: Tổng tiền thưởng cho Ban điều hành không quá 2% LNST nếu đạt được kế hoạch do ĐHCĐ giao và theo quy chế của Công ty.

- **Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:**

- **Thay đổi chức danh của thành viên Hội đồng quản trị:**

1. Trong năm 2009 Công ty không có sự thay đổi thành viên và các chức danh trong HĐQT. Số thành viên HĐQT cho đến ngày 31/03/2010 như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH
1	Bùi Pháp	Chủ tịch
2	Nguyễn Đình Trạc	P. Chủ tịch
3	Nguyễn Tấn Phương	Thành viên
4	Đỗ Thanh	Thành viên
5	Võ Châu Hoàng	Thành viên

Thay đổi Tổng giám đốc Công ty: từ ngày 16/01/2010, ông Nguyễn Đình Trạc thay thế ông Bùi Pháp đảm nhận chức vụ Tổng Giám đốc công ty.

Với phương châm “Doanh nghiệp là nhà, Cán bộ công nhân viên là chủ” Công ty có lớn mạnh và phát triển bền vững hay không là tùy thuộc phần lớn đội ngũ nhân sự của công ty. Chính vì thế Công ty CP tập đoàn Đức Long Gia Lai luôn đặt quyền lợi CBCNV lên hàng đầu.

3. Tổ chức nhân sự:

- Tôn trọng giá trị Nhân viên



Công ty luôn xem con người là nguồn lực quý giá nhất. Vì thế, Công ty luôn tạo mọi điều kiện để nhân viên phát huy hết tiềm năng của mình bằng cách khuyến khích nhân viên học hỏi thêm và tin tưởng giao phó những trọng trách cao hơn, phù hợp với khả năng và kinh nghiệm mà nhân viên có thể đảm trách. Sẵn sàng điều chuyển vị trí tốt hơn, tăng lương trước thời hạn hoặc thăng chức nếu nhân viên có thành tích xuất sắc trong công việc được giao.

- Đảm bảo phúc lợi cho CBCNV:



Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ xã hội đảm bảo quyền lợi cho CBCNV như các chế độ cưới xin, ma chay, hiếu hỉ ...đảm bảo 100% nhân viên

tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp... Chế độ khen thưởng kịp thời khích lệ các sáng kiến, cống hiến của nhân viên đối với tập đoàn

Hàng năm ngoài việc cho CBCNV nghỉ phép nghỉ lễ theo bộ luật lao động quy định thì công ty còn tổ chức liên hoan tặng hoa, tặng quà cho CBCNV trong các ngày lễ như: 8/3, 20/10. Tổ chức liên hoan cho con em của CBCNV trong ngày tết thiếu nhi, tết trung thu tặng quà, phần thưởng cho con em của CBCNV có thành tích trong học tập. Tổ chức các chuyến tham quan nghỉ mát để tạo mối đoàn kết trong nội bộ. Riêng những nhân viên có thành tích xuất sắc trong năm sẽ được Công ty tặng một phần thưởng đi du lịch nước ngoài.

- Tính chuyên nghiệp trong công tác tuyển dụng và chế độ đào tạo nhân sự:

Quy trình tuyển dụng nhân viên được áp dụng rất hiệu quả tại Tập đoàn cũng như các công ty thành viên. Ngày càng nhiều nhân sự có năng lực ở trong nước nói chung và Gia Lai nói riêng đã về với Công ty để cống hiến và làm việc ổn định lâu dài



Công ty tạo điều kiện cho CBCNV nâng cao kiến thức chuyên môn bằng các khóa học nghiệp vụ chuyên sâu như: Quản trị hành chính văn phòng, nghiệp vụ kinh doanh, kỹ thuật kinh doanh và nghiên cứu thị trường quốc tế, kỹ năng giao tiếp với Báo chí – Truyền thông, giám đốc nhân sự...

Trong năm 2009 công ty tổ chức 3 khóa huấn luyện phòng cháy chữa cháy vào tháng 08/2009 cho toàn thể CBCNV. Công nhân làm việc tại Tập đoàn cũng như các công ty thành viên luôn được chú trọng đào tạo những khóa đào tạo riêng cho phù hợp với xu thế sản xuất.

Tính chuyên nghiệp được thể hiện bằng cam kết cung cấp giải pháp và công cụ cho khách hàng với chất lượng cao, dịch vụ hậu mãi chu đáo và uy tín, giao tiếp với khách hàng bằng thái độ hòa nhã, lịch thiệp, tôn trọng nhau trong thương lượng và tranh luận để đi đến thống nhất. Sử dụng các biểu mẫu, tài liệu chuẩn của công ty trong xử lý công việc nội bộ công ty cũng như khi gửi đến khách hàng...

Mặt khác, tính chuyên nghiệp cũng đòi hỏi nhân viên kiểm soát hữu hiệu cảm xúc cá nhân của mình để lắng nghe, trao đổi nhằm giải quyết các rắc rối, khó khăn trong công việc theo mục tiêu chung của công ty.

Ngoài ra làm việc đúng giờ, đều đặn, hoàn thành công việc một cách hữu hiệu, đạt chất lượng cao và chấp hành nội quy, quy định và chuẩn mực đã đề ra là quy tắc không thể thiếu thể hiện sự chuyên nghiệp hóa của công ty.



- Bảo hộ lao động và trang bị cho CBCNV:

Đối với CBCNV làm việc tại văn phòng, mỗi năm Công ty trang bị 4 bộ đồ vest đồng phục nhận diện thương hiệu đối với nhân viên nữ và 2 bộ đồ vest đồng phục đối với nhân viên nam để thể hiện đặc trưng văn hóa công sở của Công ty.

Riêng khối sản xuất, Công ty luôn chú trọng công tác chuyên nghiệp trong an toàn lao động, vệ sinh môi trường cho các xưởng sản xuất, trang bị các thiết bị bảo hộ lao động hiện đại cho công nhân như ủng, găng tay, nón, kính, quần áo bảo hộ...



- Tạo việc làm ổn định cho người lao động:

Tạo việc làm cho hàng ngàn lao động địa phương, đặc biệt là người dân tộc thiểu số. Người lao động đến với công ty không chỉ có việc làm ổn định, đảm bảo cuộc sống mà còn có thể tích lũy cho cuộc sống sau này.

Đối với CBCNV khó khăn về kinh tế, Công ty luôn tạo điều kiện giúp đỡ cho CBCNV vay mượn tiền không lãi suất để giải quyết khó khăn. Giúp đỡ, tạo việc làm cho con em của CBCNV cũng như người lao động ở tại địa phương. Đó là một trong những sứ mệnh mà công ty đã hoàn thành. Sự thành công đó thể hiện ở con số nhân viên tăng hàng năm như: năm 2008 số CBCNV là 3.175 lao động, thì năm 2009 con số đó đã tăng lên tới 4.130 lao động tăng 30% so với cùng kỳ năm ngoái. Thu nhập của CBCNV làm việc tại văn phòng trung bình 5.500.000 đồng/tháng. Đối với khối trực tiếp sản xuất thu nhập trung bình 2.500.000 đồng/tháng



IX. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị, Chủ tịch và Ban kiểm soát:

❖ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty năm 2009 gồm 5 người trong đó có 3 thành viên điều hành và 2 thành viên độc lập không điều hành. Cụ thể:

- Thành viên HĐQT không tham gia điều hành:

1. Ông Bùi Pháp – Chủ tịch HĐQT chuyên trách;
2. Ông Nguyễn Tấn Phương – Thành viên độc lập không điều hành.

- Thành viên HĐQT tham gia điều hành:

1. Ông Nguyễn Đình Trạc – Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc
2. Ông Đỗ Thanh – Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc
3. Ông Võ Châu Hoàng – Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc

❖ Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát của công ty năm 2009 gồm 3 người, đều là thành viên chuyên trách. Bao gồm:

1. Ông Nguyễn Xuân Hoan – Trưởng Ban kiểm soát – chuyên trách;

2. Ông Bùi Văn Đi – thành viên chuyên trách;
3. Bà Bùi Thị Kha Trân – thành viên chuyên trách

❖ **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Trong năm 2009, Hội đồng quản trị Công ty đã thể hiện tốt vai trò đầu tàu lãnh đạo về đường lối chủ trương phát triển của công ty, HĐQT đã thực hiện tốt chế độ hội họp, sinh hoạt theo quy định. Các thành viên HĐQT của Công ty đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua:

- Tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành và/v chuẩn bị các báo đề xuất, các dự án trình HĐQT; triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ hàng tháng của Công ty.
- Tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp chuyên đề về xây dựng và giao Kế hoạch sản xuất kinh doanh, chính sách nhân viên, lương, thưởng, xây dựng – hoàn thiện các quy trình quản lý chất lượng và một số chính sách khác...
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh thông qua các văn bản, báo cáo của Ban điều hành gửi HĐQT.

Cụ thể, trong năm 2009, HĐQT đã tiến hành 4 cuộc họp định kỳ hàng quý và 5 cuộc họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trên cơ sở Nghị quyết của các cuộc họp HĐQT, HĐQT đã ban hành các Quyết định/nghị quyết làm cơ sở cho Giám đốc triển khai thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh. Các vấn đề lớn đã được xem xét và phê duyệt như sau:

- Phê duyệt việc đầu tư thêm 06 chiếc xe bus để phục vụ Festival Công Chiêng quốc tế tại Gia Lai và phục vụ vận chuyển hành khách công cộng tại các tuyến nội tỉnh Gia Lai.
- Phê duyệt việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, cụ thể là trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phê duyệt việc ông Bùi Pháp xin rút khỏi chức vụ Tổng giám đốc và bầu ông Nguyễn Đình Trạc giữ chức vụ này thay cho ông Pháp.
- Phê duyệt quy chế hoạt động của Công ty, quy chế quản trị của Công ty theo tinh thần Quyết định 15 của Bộ Tài chính và một số quy chế khác...
- Phê duyệt các định mức kinh tế áp dụng trong hoạt động kinh doanh của Công ty....
- Phê duyệt các vấn đề về tổ chức nhân sự trong công ty...
- Phê duyệt các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

❖ **Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:**

Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành đều tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia đầy đủ các hoạt động của HĐQT, xem xét, nghiên cứu và cho ý kiến về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, làm cơ sở để HĐQT ban hành các Quyết định/nghị quyết liên quan.

❖ **Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT/Hội đồng thành viên (ví dụ tiểu ban lương thưởng, tiểu ban đầu tư và tiểu ban nhân sự...):**

- **Văn phòng Hội đồng quản trị** : Trong năm 2009, Văn phòng hội đồng quản trị Đức Long Gia Lai đã tham gia giám sát và đôn đốc Ban lãnh đạo thực hiện các chủ trương, đường lối của Hội đồng quản trị về phát triển của Tập đoàn. Bên cạnh đó Văn phòng Hội đồng quản trị còn tham gia xúc tiến các hợp đồng, tìm kiếm các đối tác để triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- **Ban quan hệ cổ đông** : ngày 16/03/2010 Hội đồng quản trị đã quyết định thành lập Ban quan hệ cổ đông để thực hiện chức năng làm cầu nối giữa HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty với các cổ đông của Công ty và các nhà đầu tư tiềm năng. Trong năm 2009, Ban quan hệ cổ đông (tiền thân là Tổ chứng khoán) đã thực hiện thành công nhiều công việc về chứng khoán của Tập đoàn và một số công ty thành viên. Tổ chức làm hồ sơ niêm yết và niêm yết cổ phiếu của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai (Công ty con của Tập đoàn Đức Long Gia Lai) vào tháng 3/2010. ngoài ra Ban quan hệ cổ đông còn xúc tiến làm việc với các

đối tác, các tổ chức tư vấn và các cơ quan quản lý Nhà Nước về Chứng khoán và thị trường chứng khoán nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Đức Long Gia Lai trên TTCK cũng như đảm bảo lợi ích hợp pháp cho các cổ đông của Đức Long Gia Lai. Viên thành lập Ban quan hệ cổ đông cho thấy Đức Long Gia Lai luôn đặt lợi ích của các cổ đông lên hàng đầu và luôn đảm bảo quyền lợi tối đa cho các cổ đông.

❖ **Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm 2009, Ban Kiểm soát đã hoạt động theo đúng chức năng của mình theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty. Các thành viên Ban kiểm soát thường xuyên họp và trao đổi về công việc của Ban.

Những nội dung cơ bản hoạt động Kiểm soát năm 2009:

▪ **Thực hiện giám sát đối với hoạt động của HĐQT, cụ thể:**

- Hoạt động lãnh đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
- Giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty. Trong quá trình lãnh đạo, giám sát Tổng Giám đốc về sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn.
- Việc HĐQT giám sát Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất – kinh doanh.

▪ **Thực hiện chức năng giám sát đối với Tổng Giám đốc và bộ máy quản lý, cụ thể:**

- Hoạt động điều hành, thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT
- Việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty.
- Việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng, ban hành, thực hiện và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, các quy chế, quy trình quản lý của Công ty...
- Việc thực hiện quy chế phối hợp với HĐQT trong quản lý điều hành...
- Các công tác khác.

❖ **Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:**

Nhu cầu phát triển của Đúc Long Gia Lai trong những năm tới sẽ rất cao khi Công ty hoàn thành và đưa vào vận hành các dự án mới của mình. Để thực hiện hiệu quả trong hoạt động của công ty trong tương lai, Đúc Long Gia Lai cần thực hiện các kế hoạch như sau:

- Nâng cao năng lực quản trị điều hành của Ban lãnh đạo.
 - Kiện toàn đội ngũ nhân sự, tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự có đủ năng lực chuyên môn và đạo đức lối sống để thực hiện tốt các công việc của Công ty.
 - Tăng cường giám sát hoạt động của các phòng ban chuyên môn, thực hiện tiết kiệm, cắt giảm các khoản chi phí không cần thiết để mang lại hiệu quả cao trong công tác sử dụng và nâng cao hiệu quả vốn.
 - Chuẩn hóa các quy trình cung cấp dịch vụ, từng bước áp dụng công nghệ quản lý hiện đại theo tiêu chuẩn ISO.
 - Tăng cường công tác bảo vệ an ninh để bảo vệ tài sản và cơ sở vật chất kỹ thuật của công ty...
- ❖ Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT, Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành:

STT	CHI TIẾT	SỐ NGƯỜI	THU NHẬP BÌNH QUÂN/THÁNG	TỔNG CỘNG NĂM
I Hội đồng quản trị				
1	Chủ tịch	1	5.000.000	60.000.000
2	Phó Chủ tịch	1	3.000.000	36.000.000
3	Thành viên HĐQT	3	2.000.000	72.000.000
	Cộng (I)	5	14.000.000	168.000.000
II Ban Kiểm soát				
1	Trưởng Ban kiểm soát	1	3.000.000	36.000.000
2	Thành viên BKS	2	2.000.000	48.000.000
	Cộng (II)	3	7.000.000	84.000.000
	Cộng (I+II)	8	21.000.000	252.000.000

- Tuy nhiên trong năm 2009, các thành viên HĐQT và các thành viên Ban kiểm soát có tham gia điều hành hoặc các thành viên có kiêm nhiệm các chức vụ trong Công ty đã tình nguyện không nhận thù lao theo tinh thần tờ trình về thù lao của các thành viên HĐQT và BKS trong buổi đại hội cổ đông thường niên năm 2008.
- ❖ Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: 10/13 người.
- ❖ Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT (tính đến 31/03/2010):

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ
1	Bùi Pháp	Chủ tịch	15.962.000	54,852%
2	Nguyễn Đình Trạc	P. Chủ tịch	200.000	0,687%
3	Võ Châu Hoàng	Thành viên	150.000	0,515%
4	Đỗ Thanh	Thành viên	250.000	0,859%
5	Nguyễn Tấn Phương	Thành viên	80.000	0,270%

❖ Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:

1. Trước ngày 01/01/2001, tỷ lệ sở hữu của các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ
1	Bùi Pháp	Chủ tịch	21.200.000	72,852%
2	Nguyễn Đình Trạc	P. Chủ tịch	200.000	0,687%
3	Võ Châu Hoàng	Thành viên	150.000	0,515%
4	Đỗ Thanh	Thành viên	250.000	0,859%
5	Nguyễn Tấn Phương	Thành viên	80.000	0,270%

2. Trong năm 2009, tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên HĐQT có sự thay đổi như sau:

Ông Bùi Pháp – Chủ tịch HĐQT chuyển nhượng bớt cổ phần cho các cổ đông khác nhằm hạ tỷ lệ sở hữu cá nhân từ 72,85% VCP xuống còn 54,85% VCP. Tính đến ngày 31/03/2010, tỷ lệ sở hữu của các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ
1	Bùi Pháp	Chủ tịch	15.962.000	54,852%
2	Nguyễn Đình Trạc	P. Chủ tịch	200.000	0,687%
3	Võ Châu Hoàng	Thành viên	150.000	0,515%
4	Đỗ Thanh	Thành viên	250.000	0,859%
5	Nguyễn Tấn Phương	Thành viên	80.000	0,270%

❖ Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông:

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

- Không có

2.2. Cổ đông sáng lập:

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông sáng lập:

Ngày 13/06/2007, Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai được thành lập và có 5 cổ đông sáng lập. Cụ thể:

STT	Tên cổ đông sáng lập	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần
1	Ông Bùi Pháp	21.200.000	72,852	Phổ thông
2	Ông Nguyễn Đình Trạc	200.000	0,687	Phổ thông
3	Ông Đỗ Thanh	250.000	0,859	Phổ thông
4	Ông Phạm Trung	200.000	0,687	Phổ thông
5	Ông Võ Châu Hoàng	150.000	0,515	Phổ thông
Tổng cộng		22.000.000	75,601	

Ngày 28/12/2009, Công ty có sự thay đổi về thành viên góp vốn (Cổ đông sáng lập) như sau:

Họ và tên	Số lượng nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Ông Bùi Pháp	15.962.000	54,852%
Bà Nguyễn Thị Hương	2.910.000	10%
Ông Nguyễn Thanh Lâm	873.000	3%
Bà Nguyễn Thị Diễm	873.000	3%
Bà Võ Thị Cẩm Nhung	582.000	2%
Ông Đỗ Thanh	250.000	0,859%
Ông Phạm Trung	200.000	0,687%
Ông Nguyễn Đình Trạc	200.000	0,687%
Ông Võ Châu Hoàng	150.000	0,515%
Tổng cộng	22.000.000	75,601%

- Thông tin chi tiết về Cổ đông lớn trong nước:

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG	SỐ CỔ PHẦN NĂM GIỮ	TỶ LỆ %
I Cổ đông tổ chức:					
1	CTCP Đầu tư EVT Việt Nam	Nhà số 6, ngõ 61, ngách 23, Đường Trần Duy Hung – Cầu Giấy – Hà Nội	Đầu tư tài chính	365.000	1,25%
2	Công ty Tài Chính Bưu Điện	Tầng 15, tòa nhà Ocean Park, Số 01 Đào Duy Anh – Đống Đa – Hà Nội	Tài chính	500.000	1,72%
3	Công ty TNHH quản lý quỹ SSI	1C Ngô Quyền – Hoàn Kiếm – Hà Nội	Tài chính	1.500.000	5,155%
II Cổ đông cá nhân:					
	HỌ TÊN	ĐỊA CHỈ	NĂM SINH	SỐ CP	TỶ LỆ %
1	Ông Bùi Pháp	03 Trần Quang Khải – Pleiku – Gia Lai	1962	15.962.000	54,852%
2	Bà Nguyễn Thị Hương	03 Trần Quang Khải – Pleiku – Gia Lai	1973	2.910.000	10%
3	Ông Nguyễn Thanh Lâm	02 Đặng Trần Côn – Pleiku – Gia Lai	1980	883.000	3,034%
4	Bà Nguyễn Thị Diễm	43 Lý Nam Đế – Pleiku – Gia Lai	1980	887.000	3,048%
5	Bà Võ Thị Cẩm Nhưng	308 – 310 Cao Thắng – Q10 – TP.HCM	1980	582.000	2%

2.3. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài: Tính đến thời điểm 31/03/2009, Công ty cổ phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai không có cổ đông là tổ chức nước ngoài, Công ty chỉ có 5 cổ đông cá nhân là người nước ngoài.

STT	DANH MỤC	SỐ LƯỢNG CP NĂM GIỮ	TỶ LỆ %
1	Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phần có quyền biểu quyết	Không có	0%
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5% cổ phần có quyền biểu quyết	Không có	0%
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết (05 cổ đông cá nhân)	44.000	0,2 %
Tổng cộng		44.000	0,2 %

KẾT LUẬN:

Năm 2009 là một năm chứng kiến sự biến động khó lường theo chiều hướng phức tạp của nền kinh tế. Mặc dù vào thời điểm cuối năm nền kinh tế đã có dấu hiệu hồi phục sau khủng hoảng nhưng sự phục hồi trở nên chậm lại khi lần lượt các Chính phủ trên thế giới chấm dứt việc thực hiện các gói kích cầu. Bên cạnh đó là nguy cơ lạm phát tiềm ẩn nên các chính sách vĩ mô đều tập trung vào việc kiềm hãm lạm phát. Tình hình kinh tế trong nước cũng không nằm ngoài vòng điều chỉnh như vậy, Chính phủ chính thức chấm dứt gói kích cầu lần thứ nhất, dừng hẳn việc cho các doanh nghiệp vay ngắn hạn trong gói hỗ trợ lãi suất... Ngân hàng Nhà nước thực hiện thắt chặt tiền tệ bằng cách nâng cao lãi suất cơ bản; giá vàng trong nước và thế giới không ngừng tăng đột biến; giá xăng dầu, giá điện tăng đã làm cho chi phí sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tăng thêm và lợi nhuận giảm đi trầm trọng.

Trước những khó khăn thách thức đó, toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty cổ phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai đã không ngừng nỗ lực cố gắng, đoàn kết đồng lòng để đưa sự nghiệp phát triển của Công ty lên tầm cao mới. Trong năm 2009, công ty đã đạt



được nhiều thành tựu đáng kể trong sản xuất kinh doanh và hội nhập . Cụ thể là Công ty đã tiến hành làm sổ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu lên SGD CK Thành Phố Hồ Chí Minh (Hose).

Về tình hình tài chính , năm 2009 Công ty đạt Doanh thu 567,8 tỷ đồng và Lợi nhuận sau thuế đạt 24,7 tỷ đồng. Trong năm công ty đã đóng góp cho Ngân sách Nhà nước hàng chục tỷ đồng đồng thời giải quyết công ăn việc làm thường xuyên cho hàng ngàn lao động. Hiện nay chất lượng sản phẩm dịch vụ của Công ty đang được xã hội và cộng đồng chấp nhận . Công ty sẽ cố gắng phấn đấu duy trì và phát huy truyền thống của mình để đưa tầm phát triển của Công ty lên một tầm cao hơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
BÙI PHÁP